Các hệ quả của cuối cùng của chính sách xâm lược này là việc hình thành một liên minh chống Pháp kéo dài cho tới năm 1801.

Thờ ơ với tình trạng của đất nước và không đủ khả năng để tổ chức lại nó, các quan Đốc chính trước hết chỉ lo lắng đến việc đấu tranh để giữ quyền lực chống lại những cuộc mưu phản không ngừng tái diễn.

Nhiệm vụ này đủ để chiếm hết thời gian rảnh của họ, bởi vì các đảng phái chính trị không chịu hạ vũ khí. Tình trạng vô chính phủ đến mức mà mọi người đều muốn có một bàn tay đủ mạnh để tái lập trật tự. Mỗi người, kể cả các vị quan Đốc chính, đếu cảm thấy rằng chế độ cộng hòa này không thể kéo dài thêm nữa.

Một số người đã mơ ước khôi phục chế độ quân chủ, số khác lại muốn chế độ Khủng bố và một số khác nữa lại nghĩ đến một chế độ quân sự. Duy chỉ có những người đang sở hữu tài sản quốc gia là lo sợ một cuộc thay đổi chế độ.

Sự mất tín nhiệm của Ban Đốc chính mỗi ngày một tăng thêm, và từ tháng 5 năm 1797, khi diễn ra cuộc bầu mới thay thế một phần ba Quốc hội, phần lớn đại biểu đã tỏ ra chống đối chế độ.

Các Quan Đốc chính đã không thấy bối rối chút nào. Họ đã hủy những cuộc bỏ phiếu ở 49 tỉnh: 154 trong số những đại biểu mới bị tuyên bố tước quyền miễn trừ và bị trục xuất, 53 đại biểu bị kết án và bị đi đày. Trong số này có những cái tên lừng danh nhất của Cách mạng, như Portalis, Carnot, Tronson Coudray,...

Nhằm làm cho cử tri phải rụt rè, những ủy ban quân sự đã kết án tử hình, có phần hú họa, 160 người và đày đi Guyane 330 người, trong số đó một nửa đã nhanh chóng bỏ mạng. Những người lưu vong và những giáo sĩ trở về Pháp đã bị trục xuất thẳng tay. Đấy là cái mà người ta gọi là cuộc Đảo chính Fructidor (ngày 4 tháng 9 năm 1797 - ND).

Cuộc đảo chính này trước hết đánh vào những người ôn hòa, tuy nhiên, không phải là duy nhất, và một cuộc khác đã sớm nổ ra sau đó. Các quan Đốc chính thấy rằng số lượng các đại biểu Jacobin quá nhiều sau những cuộc bỏ phiếu mới, nên đã hủy kết quả bầu cử của 60 người trong số đó.

Những hành động đó cho thấy khí chất bạo chúa của các thành viên Ban Đốc chính, song nó còn thể hiện rõ ràng hơn nữa ở chi tiết của các hành động của họ. Những ông chủ mới đã tỏ ra tàn bạo không kém những người hung dữ nhất của Hội Quốc ước thời kỳ Khủng bố.

Máy chém không còn dựng lên thường xuyên nữa, nhưng lại được thay thế bằng việc lưu đầy với những điều kiện mà các nạn nhân ít có cơ hội sống sót. Bị đưa đi Rochefort trong những cái lồng sắt dãi dầu trước mọi thời tiết, rồi sau đó lại bị xếp chồng chất lên những con tàu.

“Trong gian boong của tàu Décade và của tàu Bayonnaise, Taine viết, những kẻ khốn khổ bị nhốt trong lồng, nghẹt thở vì thiếu không khí và cái nóng như thiêu, bị đối xử thô bạo, tước đoạt, chết vì đói hoặc vì ngạt thở, rồi xứ Guyane sẽ kết thúc công việc của chuyến đi: từ 193 con người do tàu Décade mang tới, sau 22 tháng còn lại 39 người, 120 phạm nhân do tàu Bayonnaise mang tới, sau chỉ còn sống sót duy nhất một người.”

Tuyên bố khắp nơi về một sự phục hưng Cơ đốc giáo và tưởng tượng rằng giới tăng lữ mưu phản họ, các Quan Đốc chính đã đưa đi đày hoặc bắt làm khổ sai, chỉ trong vòng một năm, 1.448 giáo sỹ, đó là chưa kể một số lượng lớn bị xử bắn với thủ tục xét xử qua loa. Khủng bố đã thực sự được lặp lại.

Chủ nghĩa chuyên chế của Ban Đốc chính cũng được thực hiện trong mọi nhánh của chính quyền, nhất là trong ngành tài chính. Chính do vậy mà khi cần môt nguồn tài chính tới 600 triệu, họ đã yêu cầu các đại biểu, những người vẫn luôn thuộc loại dễ sai khiến, bỏ phiếu thông qua một khoản thuế lũy tiến, nhưng kết quả chỉ thu được 12 triệu. Vì muốn tái diễn sau một thời gian ngắn, Ban Đốc chính đã ra quyết định một khoản vay cưỡng bức một trăm triệu, khiến người ta phải đóng cửa những công xưởng, dừng giao dịch, thải hồi gia nhân. Với cái giá của sự suy sụp hoàn toàn, người ta đã thu được 40 triệu.

Để bảo đảm cho mình sự thống trị ở tỉnh, Ban Đốc chính đã cho bỏ phiếu thông qua một đạo luật gọi là luật con tin, theo đó một danh sách con tin, những người chịu trách nhiệm về mọi tội phạm, đã được lập ra tại mỗi xã.

Có thể hiểu được những sự thù hận nào đã gây ra một chế độ như vậy. Vào cuối năm 1799, 14 tỉnh đã nổi dậy và 46 tỉnh đã sẵn sàng khởi nghĩa. Nếu như Ban Đốc chính còn tồn tại lâu hơn thì sự tan rã của xã hội đã có thể là hoàn thành.

Tuy vậy, sự tan rã ấy cũng đã diễn ra khá sâu sắc. Tài chính, hành chính, tất cả đều sụp đổ. Số thu của kho bạc, gồm những tín phiếu đã rơi xuống còn một phần trăm giá trị danh nghĩa, gần như là bằng không. Những người hưởng lợi tức và các nhân viên không còn được chi trả nữa.

Nước Pháp khi đó đã gây cho người ta ấn tượng về một miền đất bị chiến tranh tàn phá và bị cư dân của mình bỏ rơi. Những chiếc cầu, những con đê, những tòa nhà bị sụp đổ đã làm cho mọi hình thức giao thông không thể thực hiện được. Những con phố, vắng tanh từ lâu, đã bị những kẻ bất lương cướp phá. Người ta chỉ có thể đi qua một số tỉnh sau khi mua những giấy thông hành từ tay của bọn cầm đầu băng nhóm ấy. Công nghiệp và thương mại đều tàn lụi. Ở Lyon, 13.000 trên 15.000 xưởng đã phải đóng cửa. Lille, Le Havre, Bordeaux, Lyon, Marseille,... đều như những thành phố chết. Sự khốn cùng và nạn đói đã trở thành phổ biến.

Sự rối loạn về tinh thần cũng không ít hơn. Lối sống xa hoa, khát khao vui thú, những bữa tiệc tối xa xỉ, những món trang sức, những đồ bày trong nhà đã tạo thành nét riêng của một xã hội mới chỉ bao gồm những kẻ đầu cơ chứng khoán, những nhà thầu cung ứng cho quân đội, những nhà tài chính ám muội giàu lên nhờ cướp bóc. Nó tạo cho Paris vẻ bề ngoài sang trọng và hòa nhoáng, khiến biết bao nhà sử học bị ảo tưởng về giai đoạn này, trong đó vẻ tráng lệ ngạo mạn tương phản sâu sắc với cảnh đói khổ rộng khắp trong phần còn lại của xã hội.

Sử biên niên về Ban Đốc chính, như những gì được kể trong sách, giúp chỉ ra những điều không chính xác đã dệt nên cái nền của lịch sử. Giới sân khấu gần đây đã nắm được giai đoạn này, giai đoạn mà thị hiếu thời thượng của nó vẫn đang còn được bắt chước. Nó đã để lại ký ức về một giai đoạn vui sướng, trong đó mọi thứ đều phục hưng sau tấn kịch u ám của thời Khủng bố. Trên thực tế, tuy vậy, chế độ thời Đốc chính không có giá trị gì hơn thời Khủng bố và cũng thật tàn bạo. Cuối cùng nó đã khơi ra biết bao thù hận, đến nỗi các Quan Đốc chính sau khi cảm thấy không thể kéo dài thêm nữa, chính họ đã tìm kiếm một nhân vật độc tài để thay thế và cũng là bảo vệ.

3. Sự đăng quang của Bonaparte.

Chúng ta vừa thấy rằng vào cuối thời kỳ Đốc chính, tình trạng vô chính phủ và sự rối loạn đã đến mức mà mọi người đều đòi hỏi một cách vô vọng sự xuất hiện của con người mạnh mẽ đủ sức khôi phục trật tự.

Từ năm 1795, nhiều đại biểu đã thoáng nghĩ đến việc khôi phục vương quyền. Louis XVIII, vì đã chót công bố một cách vụng về rằng sẽ khôi phục trọn vẹn chế độ cũ, sẽ trả lại các tài sản cho những chủ ban đầu của chúng và sẽ trừng phạt những người Cách mạng, nên đã bị người ta rời bỏ ngay lập lức. Chiến dịch điên rồ ở Quiberon đã làm mất đi những người ủng hộ cho hoàng đế tương lai. Trong suốt thời kỳ Cách mạng, những người bảo hoàng đã tỏ ra bất lực và hẹp hòi về tâm hồn, những tính cách giải thích cho phần lớn biện pháp bắt buộc từng được đưa ra để chống lại họ.

Vì thể chế quân chủ là không khả thi, nên cần phải tìm một vị tướng. Khi ấy duy nhất có một người mà tên tuổi khiến người ta phải quan tâm, đó là Bonaparte. Chiến dịch ở Ý mới đây đã khiến ông ta nổi tiếng. Sau chuyến vượt Alpes, ông ta đã đi từ chiến thắng này đến thắng lợi khác, xâm nhập thành Milan và Venise và ở khắp nơi đều đã thu được những công trạng chiến tranh quan trọng. Sau đó ông đã tiến về hướng thành Vienne và khi còn cách đó chưa đầy 25 dặm đường thì Hoàng đế Áo đã quyết định cầu hòa.

Nhưng dù tên tuổi đã nổi đến đâu, vị tướng trẻ này vẫn cho là còn chưa đủ. Để tăng thêm nữa, ông ta đã thuyết phục Ban Đốc chính rằng cần làm lung lay gốc rễ sức mạnh của nước Anh bằng cuộc xâm nhập vào Ai Cập, và, tháng 4 năm 1798 ông ta lên tàu tại Toulon.

Nhu cầu tăng cường uy thế của ông ta đã xuất phát từ một luận thuyết tâm lý rất đúng đắn, từng được giải thích rất rõ ràng tại Sainte-Hélène :

“Những vị tướng có ảnh hưởng nhất và sáng suốt nhất đã hối thúc một thời gian dài vị tướng của nước Ý thực hiện một cuộc biến động và tự đưa mình lên vị trí đứng đầu Nước Cộng hòa; ông ta đã từ chối: ông ta còn chưa đủ mạnh để chỉ đi một mình. Ông ta có những ý tưởng về nghệ thuật cai trị và về những gì đòi hỏi ở một dân tộc lớn, những ý tưởng khác xa so với các thủ lĩnh cách mạng và các quốc hội, rằng, do không thể hành động đơn độc, ông ta e ngại làm tổn hại đến chí khí của mình. Ông ta đã quyết định đi Ai Cập, nhưng quyết tâm sẽ trở lại, nếu tình huống xuất hiện khiến cho sự hiện diện của ông ta là cần thiết hoặc hữu ích.”

Bonaparte đã không ở lại lâu tại Ai Cập. Được các bạn gọi về, ông lên tàu tại Fréjus và bản thông báo sự trở lại của ông đã gây phấn khích khắp nơi. Người ta trưng đèn sáng rực ở mọi nơi. Nước Pháp đã cộng tác trước với cuộc đảo chính được ông ta chuẩn bị cùng với Sieyes, hai vị Quan Đốc chính và các bộ trưởng chủ chốt. Cuộc âm mưu đã được tổ chức trong vòng ba tuần lễ. Việc thực hiện nó, ngày 18 Tháng Sương mù, đã diễn ra cực kỳ dễ dàng.

Tất các các bên đều cảm nhận được một sự vui mừng khôn xiết khi rũ bỏ được những băng nhóm ác hại từng đè nén và bóc lột đất nước từ rất lâu rồi.

Những người Pháp sẽ phải nếm trải một chế độ có thể là chuyên chế, nhưng nó đã không đến nỗi không thể chịu nổi như từng phải chịu đựng bấy nhiêu năm qua.

Lịch sử của cuộc đảo chính Tháng Sương mù đã chứng minh rất tốt điều mà chúng tôi đã nhắc lại là không thể đưa ra những xét đoán chính xác về những sự kiện với vẻ bề ngoài nổi tiếng nhất và được xác nhận bằng nhiều nhân chứng nhất.

Đã ba chục năm nay, người ta hiểu những ý tưởng về cuộc đảo chính Tháng Sương mù là gì. Người ta đánh giá nó như một tội ác sinh ra từ tham vọng của một con người dựa vào quân đội. Trong thực tế thì quân đội lại không giữ một vai trò nào. Toán quân nhỏ bé từng trục xuất những đại biểu ngoan cố hiếm hoi lại không gồm những người nhà binh, mà là những viên sen đầm, thậm chí là thành viên Quốc hội. Tác giả thực sự của cuộc đảo chính này là bản thân chính phủ với sự đồng phạm của toàn thể nước Pháp.

4. Nguyên nhân gây ra sự kéo dài của Cách mạng Pháp.

Nếu chúng ta giới hạn cuộc Cách mạng Pháp trong thời gian cần thiết để chinh phục những nguyên lý cơ bản: bình đẳng trước luật pháp, tham gia tự do vào các công vụ, quyền tối cao của nhân dân, kiểm soát chi tiêu,... chúng ta có thể nói rằng nó chỉ kéo dài có mấy tháng. Tới khoảng giữa năm 1789, tất cả những điều đó đều đã đạt được, và trong những năm tiếp sau không có thêm điều gì mới. Tuy nhiên, cuộc Cách mạng này đã kéo dài hơn rất nhiều.

Giới hạn thời gian của nó trong những ngày tháng mà các nhà sử học chính thống đã chấp nhận, chúng ta thấy nó diễn ra dai dẳng tới ngày đăng quang của Bonaparte, tức là khoảng 10 năm. Vì sao giai đoạn rối loạn và bạo lực này lại kéo dài đến thời điểm ra đời của những nguyên tắc mới? Không nên tìm nguyên nhân của nó ở những cuộc chiến tranh với nước ngoài, vì đã nhiều lần chúng có thể kết thúc nhanh chóng nhờ sự chia rẽ của các nước liên minh và những chiến thắng của chúng ta. Cũng không nên tìm nó trong cảm tình của người Pháp đối với chính phủ cách mạng. Chưa bao giờ một chế độ lại bị căm ghét và khinh bỉ hơn là chế độ của các Quốc hội. Bằng những cuộc nổi loạn của họ, cũng như những cuộc bỏ phiếu lặp đi lặp lại, một bộ phận to lớn của dân tộc đã thể hiện sự ghê tởm sâu sắc đối với chế độ ấy.

Điều sau cùng này, tức là sự ghét cay ghét đắng của nước Pháp đối với chế độ cách mạng của mình, từng không được đánh giá đúng trong thời gian dài, đã được các nhà sử học gần đây làm rõ. Tác giả của cuốn sách cuối cùng về Cách mạng Pháp, ngài Madelin, đã tóm tắt một cách hoàn hảo quan điểm của họ bằng những từ ngữ sau đây:

“Kể từ 1793, một đảng ít người đã chiếm lĩnh nước Pháp, thống lĩnh Cách mạng Pháp và Nhà nước Cộng hòa. Giờ đây, ba phần tư nước Pháp cầu mong cho Cách mạng dừng lại hay đúng hơn là giải thoát khỏi những kẻ lợi dụng bỉ ổi; nhưng những điều đó sẽ duy trì đất nước bất hạnh bằng cả nghìn cách… Vì họ cần đến sự Khủng bố để cai trị, nên họ trừng phạt bất kỳ ai đó có vẻ như vào một thời điểm nào đó sẽ muốn đối chọi lại sự Khủng bố, mặc dù họ có thể là những đầy tớ tốt nhất của Cách mạng.”

Cho tới tận lúc kết thúc chế độ Đốc chính, sự cầm quyền được thực hiện bởi phái Jacobin, những người chỉ mong muốn bảo toàn, bằng quyền lực, những của cải đã tích tụ được nhờ giết chóc và cướp phá, và sẵn sàng trao nước Pháp cho những ai đảm bảo cho họ việc sở hữu chúng một cách tự do. Nếu họ đã thỏa thuận với Napoleon về cuộc đảo chính Tháng Sương mù, thì điều đó duy nhất vì họ đã không thể hiện thực hóa những ước mong của mình với Louis XVIII.

Nhưng vậy thì phải giải thích ra sao việc một chính phủ chuyên quyền đến thế và đáng phỉ nhổ đến thế lại có thể trụ được suốt bấy nhiêu năm?

Đó không chỉ bởi tôn giáo cách mạng vẫn còn tồn tại được trong tâm hồn, cũng không vì nó đã buộc người ta phải chấp nhận bằng phương cách truy hại và tàn bạo, mà trước hết, như tôi đã nói, là bởi chính mối lợi to lớn mà một bộ phận đáng kể dân chúng muốn tiếp tục duy trì nó.

Điều đó là chủ yếu. Nếu Cách mạng vẫn còn là một tôn giáo lý thuyết, nó có lẽ sẽ không thể kéo dài. Nhưng tín ngưỡng này vừa mới được thành lập đã nhanh chóng thoát ra khỏi lĩnh vực lý thuyết thuần túy.

Cuộc Cách mạng Pháp đã không giới hạn ở việc tước bỏ quyền lực hành pháp của nhà nước quân chủ, của giới quý tộc và giới tăng lữ. Bằng cách chuyển giao vào tay giai cấp tư sản và đông đảo nông dân việc làm và của cải của những giai cấp cũ có đặc quyền, nó đồng thời đã biến họ thành những người bảo vệ kiên cường của chế độ. Tất cả những người được mua tài sản vừa tước của giới quý tộc và giới tăng lữ đều đã nhận được đất đai và các lâu đài với giá rẻ mạt, và đều rất sợ sự quay lại của chế độ quân chủ sẽ buộc họ phải hoàn trả toàn bộ.

Chính một phần quan trọng là do những nguyên nhân này, mà một chính phủ trong thời bình không bao giờ được ủng hộ, đã có thể tồn tại dai dẳng cho tới khi một nhà lãnh đạo bậc thầy khôi phục được trật tự, đồng thời còn hứa hẹn duy trì những thành quả đã giành được không chỉ về mặt tinh thần, mà trước hết là vật chất của Cách mạng. Bonaparte trong khi hiện thực hóa những điều mong muốn này, đã thấy mình được đón nhận với sự nhiệt thành, phấn khởi. Những sự chinh phục về vật chất còn gây tranh cãi và những nguyên tắc lý thuyết còn bấp bênh đã được ông ta đưa vào những thiết chế và những bộ luật. Sẽ là một sai lầm khi nói rằng Cách mạng Pháp đã kết thúc với việc đăng quang của ông ta. Còn xa mới làm mất uy tín được nó, và ông ta thực tế đã củng cố thêm nó.

Chương II. Sự tái lập trật tự. Nền Cộng hòa Tổng tài

1. Sự nghiệp của Cách mạng Pháp đã được Chế độ Tổng tài củng cố như thế nào?

Lịch sử của Chế độ Tổng tài cũng phong phú về những tư liệu tâm lý học. Trước hết nó cho thấy sự nghiệp của một con người với cá tính mạnh mẽ có thể vượt trội hơn sự nghiệp của những tập thể như thế nào. Bonaparte đã ngay lập tức cho thay thế chế độ quân chủ đẫm máu, trong đó nền Cộng hòa đã phải vật lộn suốt 10 năm, bằng một giai đoạn có trật tự. Điều mà không một quốc hội nào của Cách mạng có thể làm được, bất chấp những sự áp bức tàn bạo, lại có thể được một con người duy nhất làm tròn trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Uy thế của ông ta đã đặt dấu chấm hết ngay tức thì cho mọi cuộc khởi nghĩa ở Paris, cho mọi mưu toan khôi phục chế độ quân chủ và tái tạo sự thống nhất về tinh thần của nước Pháp từng bị chia rẽ sâu sắc bởi những hận thù căng thẳng.

Bonaparte đã thay thế sự chuyên chế tập thể vô tổ chức bằng một sự chuyên chế cá nhân có tổ chức. Ở đấy mọi người đều thắng, bởi vì sự chuyên chế của ông ta ít nặng nề hơn rất nhiều so với những gì đã phải chịu đựng suốt 10 năm qua. Tuy nhiên, phải tin rằng nó chỉ gây khó chịu cho số ít người, bởi vì ta thấy nó đã được tiếp nhận với sự phấn khích vô hạn.

Ngày nay người ta không thể nhắc lại, như các nhà sử học xưa, là Bonaparte đã lật đổ nền Cộng hòa. Ông ta, trái lại, đã giữ lại từ nó tất cả những gì có thể giữ lại được và không khi nào chúng có thể được giữ lại mà không có ông ta, bằng cách đưa vào các thiết chế và các bộ luật những thành tựu có sức sống nhất của sự nghiệp cách mạng: phế bỏ đặc quyền, bình đẳng trước pháp luật,... Chính phủ Tổng tài, dù vậy, vẫn tiếp tục tự gọi mình là Nước Cộng hòa.

Hoàn toàn có khả năng nếu không có Chế độ Tổng tài, thì một sự khôi phục nền quân chủ khi kết thúc chế độ Đốc chính đã có thể xóa hết những thành quả lớn nhất của cuộc Cách mạng. Hãy thử giả thiết rằng, trên thực tế, Bonaparte đã bị xóa khỏi lịch sử. Không ai có thể hình dung, tôi nghĩ vậy, rằng đứng trước sự hèn nhát phổ biến, chế độ Đốc chính sẽ có thể kéo dài được. Nó chắc là đã bị lật đổ bởi một trong những âm mưu bảo hoàng vốn được giăng ra hằng ngày và Louis XVIII có thể đã trở lại ngai vàng. Dĩ nhiên, ông ta sẽ lên ngôi 16 năm sau, nhưng trong giai đoạn này Napoleon đã kịp khắc sâu những nguyên lý của Cách mạng, bằng cách định hình chúng trong những tập quán và những bộ luật, một sức mạnh đến mức mà ông vua được phục hồi đã không dám động chạm đến nó nữa, và cũng không hoàn trả cho phái đào vong những của cải của họ.

Mọi chuyện sẽ hoàn toàn khác nếu Louis XVIII kế tục ngay sau Ban Đốc chính. Đó là chính thể chuyên chế của chế độ cũ mà ông ta có thể sẽ mang theo mình, và để bãi bỏ ông ta, có lẽ cần phải làm những cuộc cách mạng khác nữa. Người ta biết rằng chỉ một mưu toan giản đơn trở lại quá khứ cũng đã lật đổ Charles X.

Sẽ là ngây thơ đôi chút nếu phẫn nộ với sự chuyên chế của Bonaparte. Dưới chế độ cũ, người Pháp đã từng chịu đựng mọi sự chuyên chế và nhà nước Cộng hòa còn áp đặt sự chuyên chế khắc nghiệt hơn nhiều. Chính thể chuyên chế khi đó từng là một trạng thái bình thường và chỉ gây nên những phản kháng một khi nó kèm theo sự rối loạn.

Một quy luật bất biến của tâm lý học đám đông chỉ ra cho chúng ta rằng họ như là người gây ra tình trạng vô chính phủ, rồi đi tìm nhà lãnh đạo bậc thầy để tạo cho họ khả năng thoát khỏi tình cảnh đó. Bonaparte chính là bậc thầy mà họ cần tìm.

2. Cơ cấu mới của nước Pháp dưới thời Chế độ Tổng tài.

Trên đường lên nắm quyền, Bonaparte đã đảm nhận một nhiệm vụ hết sức nặng nề. Tất cả đều đổ nát, phải làm lại tất cả. Ngay ngày hôm sau cuộc đảo chính Tháng Sương mù, ông đã biên soạn, hầu như một mình, bản Hiến pháp nhằm tạo cho mình quyền lực tuyệt đối cần cho việc tổ chức lại đất nước và chế ngự những bọn phiến loạn. Trong vòng một tháng nó đã được hoàn thành.

Bản Hiến pháp này, gọi là của Năm thứ VIII, đã tồn tại với những sửa đổi nhỏ cho tới cuối thời gian trị vì của ông. Quyền hành pháp được trao cho ba vị Tổng tài, trong đó hai vị chỉ có tiếng nói tư vấn. Vị Tổng tài thứ nhất, Bonaparte, như vậy là ông chủ duy nhất của nước Pháp. Ông ta phong chức cho các bộ trưởng, các cố vấn cấp Quốc gia, các đại sứ, các quan tòa, các viên chức và đã quyết định chiến tranh hay hòa bình. Ông cũng nắm quyền lập pháp, bởi lẽ chỉ riêng ông có sáng kiến đưa ra những bộ luật về sau được trình cho ba Hội đồng - Hội đồng Nhà nước, Viện dự luật và Đoàn lập pháp. Một Hội đồng thứ tư, Thượng viện, giữ vai trò khá mờ nhạt của Người bảo hiến.

Vốn là người chuyên chế và nhất là đã trở thành người chuyên chế đến cao độ, Bonaparte bao giờ cũng tập trung quanh mình các cố vấn, trước khi đưa ra một biện pháp dù là nhỏ. Đoàn lập pháp đã tỏ ra không có nhiều uy thế dưới thời trị vì của ông, nhưng ông ta đã không ký bất kỳ một nghị định nào mà không qua thảo luận với Hội đồng Nhà nước. Hội đồng này được cơ cấu từ những người có học vấn nhất đã chuẩn bị những bộ luật để sau đó trình lên Đoàn lập pháp để Đoàn này phê phán một cách tự do, bởi vì sẽ bỏ phiếu kín. Do Bonaparte chủ trì, Hội đồng Nhà nước tạo thành một dạng toà án tối cao, vì nó phán xử cả những hành động của các bộ trưởng.

Ông chủ mới từng có lòng tin to lớn vào Hội đồng Nhà nước của mình, bởi vì nó bao gồm trước hết là những nhà cố vấn luật học nổi tiếng và mỗi người đều nói theo chuyên ngành của mình. Ông cũng là nhà tâm lý rất giỏi để hết sức dè chừng những nhóm lớn người bất tài mang nguồn gốc dân dã mà vai trò gây chết chóc của chúng ông đã thấy trong suốt thời gian cuộc Cách mạng Pháp.

Mong muốn cầm quyền vì dân, nhưng không bao giờ với sự hợp tác của họ, Bonaparte không dành cho họ một chút nào công việc cai trị, mà chỉ giữ cho họ quyền bỏ phiếu, một lần cho tất cả, tán thành hay phản đối việc thông qua bản Hiến pháp mới. Ông chỉ cần đến sự bỏ phiếu phổ thông trong những hoàn cảnh hiếm hoi. Các thành viên của Đoàn Lập pháp là do chính các thành viên tuyển chọn với nhau, chứ không phải là do dân bầu.

Trong khi soạn thảo bản Hiến pháp nhằm duy nhất mục tiêu tăng cường quyền lực của mình, vị Đệ nhất Tổng tài không hề có ảo tưởng rằng nó sẽ giúp cho việc tổ chức lại đất nước. Bởi vậy, song song với việc chỉnh sửa nó, ông cũng đã thực hiện một nhiệm vụ vô cùng to lớn tổ chức lại nền hành chính, pháp lý và tài chính của nước Pháp. Nhiều quyền lực khác nhau đã được tập trung ở Paris. Mỗi tỉnh đều được quản lý bằng một tỉnh trưởng được hỗ trợ bởi một hội đồng chung; quận được quản lý bởi quận trưởng được hỗ trợ bởi một hội đồng quận; xã, bởi một xã trưởng và được hỗ trợ bởi một hội đồng cấp xã. Tất cả đều do các bộ tưởng bổ nhiệm, chứ không thông qua bầu cử như dưới thời nền Cộng hòa.

Hệ thống này đã có tác dụng tạo ra quyền lực tuyệt đối của Nhà nước và một sự tập trung hóa có hiệu lực, đã được duy trì qua mọi chế độ và vẫn còn sức sống tới ngày nay. Mặc dù còn có những bất tiện rõ ràng, nhưng vì sự tập trung hóa vẫn là phương tiện duy nhất giúp tránh được nạn chuyên quyền ở địa phương trong một quốc gia bị chia cắt sâu sắc, nên nó vẫn luôn luôn được duy trì.

Công cuộc tổ chức này được thực hiện dựa trên sự hiểu biết sâu sắc tâm hồn người Pháp đã lập tức tạo ra sự yên ổn và trật tự mà đã bao lâu nay không được biết đến.

Để kết thúc sự trấn yên tinh thần, những người bị lưu đầy được gọi trở về, và các nhà thờ được trả lại cho các giáo dân.

Trong khi tiếp tục xây dựng lại cơ cấu này, Bonaparte đồng thời cũng lo việc biên tập một bộ quy tắc mà phần lớn nội dung của nó nói về những tập quán vay mượn từ chế độ cũ. Đó là, như người ta đã nói, một dạng “thỏa hiệp giữa pháp luật mới và pháp luật cũ ”.

Đứng trước một công trình khổng lồ được Vị Tổng tài thứ nhất hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn đến thế, người ta hiểu rằng để thực hiện nó, trước hết ông ta cần có một bản Hiến pháp trao cho ông ta quyền lực tuyệt đối. Nếu như tất cả những biện pháp được ông sử dụng để tái tạo nước Pháp phải thông qua những hội nghị của các luật sư, thì ông sẽ không bao giờ thoát khỏi được sự hỗn loạn.

Bản Hiến pháp năm thứ VIII rõ ràng đã biến nhà nước Cộng hòa thành một nhà nước quân chủ, ít ra cũng chuyên chế tuyệt đối như nhà nước quân chủ thuộc “quyền của Chúa” dưới thời Louis XIV. Vì là một Hiến pháp duy nhất thích hợp với nhu cầu đương thời, nó đã thể hiện một sự tất yếu về tâm lý.

3. Những yếu tố tâm lý học từng quyết định sự thành công của sự nghiệp của Chế độ Tổng tài.

Tất cả những lực bên ngoài có tác động đến con người, như các lực kinh tế, lịch sử, địa lý,... sau cùng đều chuyển hóa thành những lực tâm lý. Chính những lực sau cùng này cần được người điều hành thấu hiểu để quản lý tốt. Các Quốc hội Cách mạng đã hoàn toàn không hiểu được chúng. Bonaparte đã biết cách vận dụng chúng.

Những quốc hội khác nhau, trước hết là Hội Quốc ước, từng được cấu thành bởi những phe nhóm tranh đấu với nhau. Napoleon đã hiểu rằng để có thể điều khiển được chúng, ông ta không nên trở thành thành viên của bất cứ nhóm nào trong số ấy. Nhờ hiểu rất tốt rằng giá trị của một quốc gia nằm phân tán giữa những trí tuệ cao cấp của các đảng khác nhau, ông ta đã cố gắng tận dụng tất cả. Những viên chức chính phủ của ông, như các bộ trưởng, tỉnh trưởng, quan tòa,... đã được tuyển chọn một cách không phân biệt trong số những người tự do, bảo hoàng, người của phái Jacobin,... chỉ quan tâm đến năng lực của họ.

Trong khi chấp nhận hoàn toàn sự hợp tác của những con người thuộc chế độ cũ, Bonaparte đã chăm lo tốt việc làm cho người ta hiểu rằng ông muốn duy trì các nguyên lý cơ bản của Cách mạng Pháp. Nhiều người bảo hoàng cũng đã đến với chế độ mới.

Một trong những công trạng đáng kể nhất của chế độ Đốc chính, nhìn từ góc độ tâm lý học, là đã khôi phục được hòa bình về tôn giáo. Nước Pháp đã bị chia rẽ bởi những bất đồng tôn giáo nhiều hơn rất nhiều so với những bất đồng chính trị. Sự phá hủy có hệ thống một phần xứ Vendee đã hầu như kết thúc hoàn toàn cuộc chiến vũ trang, nhưng đã không hòa giải được về tinh thần. Vì chỉ có một người duy nhất, thủ lĩnh của những người theo đạo Cơ đốc, có thể tạo thuận lợi cho sự trấn an này, Bonaparte đã không do dự hiệp thương với ông ta. Thỏa ước của ông ta là công trình của một nhà tâm lý học thực thụ, vì biết rằng những lực lượng tinh thần không dùng bạo lực để chiến đấu và thật nguy hiểm biết bao nếu truy hại họ. Trong khi chú tâm dàn xếp với tầng lớp tăng lữ, ông đồng thời cũng đã biết cách đặt họ dưới sự kiềm chế của mình. Thu xếp để Nhà nước phong chức và trả lương cho các giám mục, và ông ta vẫn là ông chủ của tất cả.

Sự thỏa hiệp tôn giáo của Napoleon đã từng có một ý nghĩa mà những người Jacobin hiện đại của chúng ta cũng không nhận ra được. Bị mù quáng bởi sự cuồng tín hẹp hòi của mình, họ không hiểu được rằng tách Nhà thờ khỏi sự quản lý đồng nghĩa với việc tạo ra một Nhà nước trong Nhà nước, và một ngày nào đó họ sẽ thấy mình phải đối đầu với một giai tầng đáng sợ do một ông chủ bên ngoài nước Pháp, và dĩ nhiên là thù nghịch với nước Pháp, chỉ đạo. Cho kẻ thù quyền tự do mà chúng chưa từng sở hữu là một việc rất nguy hiểm. Chưa bao giờ Napoleon, cũng như bất kỳ một vị vua công giáo nào trước ông đồng ý cho giới tăng lữ độc lập với Nhà nước, như họ đã trở thành độc lập ngày nay.

Những khó khăn của Bonaparte Tổng tài Thứ nhất đã vượt xa những khó khăn mà ông phải vượt qua sau khi đăng quang. Chỉ nhờ sự hiểu biết sâu sắc của mình về con người mà ông đã chiến thắng mọi khó khăn. Vị chúa tể tương lai vẫn còn xa mới trở thành chúa tể. Nhiều tỉnh lúc ấy vẫn còn đang nổi dậy. Nạn cướp bóc vẫn còn dai dẳng, Miền Nam đã bị tàn phá bởi những cuộc chiến đấu của quân du kích. Bonaparte Tổng tài còn phải thu phục và sử dụng Talleyrand, Fouché và nhiều vị tướng khác, vốn tự coi mình là ngang hàng với ông ta. Chính những anh em trai ruột thịt cũng đã từng mưu phản chống lại quyền lực của ông ta. Napoleon Hoàng đế đã không còn thấy bất kỳ một phe phái chống đối nào trước mặt, nhưng khi là Tổng tài ông ta đã phải đối mặt với tất cả và đã buộc phải hết sức vô tư đối với họ. Đó chắc phải là một nhiệm vụ rất khó khăn, bởi lẽ đã một thế kỷ qua rất ít chính phủ thực hiện được điều đó.

Sự thành công của một mưu chước như vậy đã đòi hỏi một sự pha trộn rất tinh tế của những mưu mẹo khôn ngoan, của sự cứng rắn và của tài ngoại giao. Khi còn chưa cảm thấy đủ mạnh, Bonaparte Tổng tài đã đưa ra quy tắc, theo cách diễn đạt của ông ta, “cai trị con người như cách mà lực lượng đông đảo nhất muốn được cai trị”. Sau khi trở thành Hoàng đế, ông ta đã thường có dịp cai trị họ theo lý tưởng riêng của mình.

Ngày nay chúng ta đã cách xa thời kỳ mà các nhà sử học, rất mù quáng, và những nhà thơ lớn nhiều tài năng hơn là tâm lý học, chống đối lại cuộc đảo chính Tháng Sương mù bằng lời lẽ đầy phẫn nộ. Phải cần đến những ảo tưởng tột bậc để khẳng định rằng “nước Pháp đã rất đẹp dưới mặt trời rực rỡ của Messidor” (Tháng Gặt hái - tháng thứ hai, lịch Cộng hòa, từ 20 tháng 6 đến 19 tháng 7 - ND), và những ảo tưởng khác cũng không kém phần rực rỡ để làm cơ sở cho việc đánh giá giai đoạn này như Victor Hugo đã làm. Chúng ta đã thấy “Tội ác Tháng Sương mù” từng có những kẻ đồng lõa nhiệt tình, không những là bản thân chính phủ mà còn là cả nước Pháp được nó giải thoát khỏi tình trạng vô chính phủ.

Người ta có thể tự hỏi rằng làm thế nào mà những con người thông minh đã phán xét sai lầm đến thế về một giai đoạn lịch sử vốn đã khá rõ ràng. Đó chắc chắn là vì họ đã nhìn nhận các sự kiện theo niềm tin của mình và chúng ta biết sự thật đã phải trải qua những biến đổi nào đối với những con người giam mình trong vòng vây của tín ngưỡng. Những sự kiện sáng chói nhất lại bị lu mờ, và lịch sử của các sự kiện trở thành lịch sử những giấc mơ của nó.

Nhà tâm lý học có ước muốn hiểu được thời đại mà chúng tôi vừa phác họa một cách ngắn gọn, chỉ có thể thực hiện được điều đó nếu anh ta, do không gắn mình vào một một đảng phái nào, tự thấy mình được giải tỏa khỏi những ham muốn thể hiện tâm hồn của các đảng phái. Anh ta không bao giờ có ý nghĩ đả kích lại một quá khứ được xây nên từ biết bao nhu cầu khẩn thiết. Chắc chắn Napoleon rất có giá trị đối với chúng ta; bản hùng ca của ông ta đã kết thúc bằng hai cuộc xâm lược và chúng ta có thể đã phải trải qua cuộc chiến ấy một lần thứ ba nữa, mà đến nay chúng ta vẫn còn cảm nhận được những hệ quả của nó, khi mà uy tín do ông ta tác động từ đáy mồ đã đặt lên ngai vàng người thừa kế tên tuổi của ông ta.

Tất cả những sự kiện này đều có mối liên hệ chặt chẽ trong cội nguồn của chúng. Chúng là cái giá chuộc của hiện tượng hàng đầu trong bước tiến hóa của một dân tộc, sự thay đổi của lý tưởng. Con người không bao giờ có thể cắt đứt một cách đột ngột với tổ tiên của mình mà không làm đảo lộn sâu sắc tiến trình lịch sử của nó.

Chương III. Những hệ quả chính trị của sự xung đột giữa truyền thống và các nguyên lý cách mạng trong thời gian một thế kỷ

1. Những nguyên nhân tâm lý của các phong trào cách mạng được tiếp diễn tại Pháp.

Khi nghiên cứu trong chương sắp tới về sự tiến hóa của các tư tưởng cách mạng trong một thế kỷ vừa qua, chúng ta sẽ thấy là chúng lan truyền khá chậm qua những tầng lớp khác nhau của dân tộc trong hơn năm mươi năm.

Trong suốt giai đoạn này, một bộ phận lớn của nhân dân và giới tư sản đã chối bỏ chúng và sự khuếch tán của chúng chỉ được thực hiện bởi một số rất hạn hẹp những người truyền bá. Tuy vậy, ảnh hưởng của chúng cũng đủ để gây ra nhiều cuộc cách mạng, trước hết là nhờ ở những lỗi lầm của chính phủ. Chúng tôi sẽ tóm lược chúng sau khi nghiên cứu những ảnh hưởng về tâm lý đã sinh ra chúng.

Lịch sử của các cuộc đảo lộn chính trị của chúng ta từ một thế kỷ qua đã đủ để chứng minh, nếu chúng ta còn chưa biết đến chúng, rằng con người bị cai trị bởi tâm tính của mình nhiều hơn rất nhiều so với ảnh hưởng của các thiết chế mà người ta muốn áp đặt cho họ.

Các cuộc cách mạng nối tiếp của chúng ta là hệ quả của những cuộc đấu tranh giữa hai bộ phận của dân tộc với tâm tính khác nhau. Một bộ phận mang tính chất tôn giáo và quân chủ bị chi phối bởi những ảnh hưởng lâu đời của tổ tiên, bộ phận kia cũng chịu những ảnh hưởng tương tự, nhưng lại tạo cho nó một dạng thức cách mạng.

Ngay từ những bước đầu Cách mạng, cuộc đấu tranh giữa những tâm tính đối nghịch nhau đã biểu hiện rõ nét. Chúng ta đã thấy rằng bất chấp sự đàn áp gây kinh hoàng, những cuộc nổi dậy và những cuộc mưu phản vẫn kéo dài cho tới cuối thời Đốc chính. Chúng cho thấy những truyền thống của quá khứ đã để lại biết bao gốc rễ sâu xa trong tâm hồn nhân dân. Vào một thời điểm nhất định, 60 tỉnh đã nổi dậy chống lại chế độ mới và chỉ bị dồn ép bởi những cuộc tàn sát dồn dập trên một không gian rộng lớn.

Tạo một dạng thỏa hiệp giữa chế độ cũ và những tư tưởng mới là một trong những vấn đề khó nhất mà Bonaparte phải giải quyết. Ông ta buộc phải tìm ra những thiết chế khả dĩ phù hợp với hai tâm tính đang chia rẽ nước Pháp. Chúng ta thấy là ông ta đã thành công bằng những biện pháp hòa giải và cũng bằng cách khoác cho các đồ vật rất cổ những cái tên mới.

Sự trị vì của ông ta là một trong những thời kỳ hiếm hoi trong lịch sử nước Pháp, khi sự thống nhất về tinh thần của nước Pháp được trọn vẹn.

Sự thống nhất này đã không thể tiếp tục tồn tại sau khi ông ta thất thế. Ngay từ hôm sau ngày ông ta sụp đổ, tất cả những phe đảng cũ đều đã tái xuất hiện và còn tồn tại cho tới ngày nay.

Một số gắn bó với những ảnh hưởng của truyền thống, số khác lại gạt bỏ chúng mạnh mẽ.

Nếu sự xung đột lâu dài này diễn ra giữa những tín đồ và những người thờ ơ về tôn giáo, nó chắc là đã không kéo dài, bởi vì sự thờ ơ luôn khoan dung, nhưng cuộc đấu tranh trong thực tế đã diễn ra giữa những tín đồ đối lập nhau. Nhà thờ phi giáo hội nhanh chóng tiếp nhận một dáng vẻ tôn giáo và cái chủ nghĩa duy lý mạo xưng của nó đã trở nên một dạng được giảm nhẹ chút ít, nhất là ngày nay, của tinh thần tăng lữ hẹp hòi nhất. Nhưng chúng tôi đã chỉ rõ là không có một sự hòa giải nào là khả dĩ giữa những tín ngưỡng khác nhau. Những tăng lữ cầm quyền, do đó, đã không thể tỏ ra rộng lượng hơn đối với những người tư duy tự do, cũng như, đến lượt mình, những người này cũng đối xử với họ vậy.

Thêm vào sự chia rẽ bắt nguồn từ sự khác biệt tín ngưỡng này còn chồng chất thêm những khác biệt bắt nguồn từ những luận thuyết chính trị xuất phát từ những tín ngưỡng ấy.

Rất nhiều tâm hồn chất phác trong một thời gian dài đã tin rằng lịch sử thật sự của nước Pháp được bắt đầu với Năm thứ I của nền Cộng hòa. Khái niệm sơ đẳng này, tuy nhiên, ngày nay đã bớt đi phần nào. Chính những nhà cách mạng cứng rắn nhất đang từ bỏ nó và giờ đây rất muốn thừa nhận rằng quá khứ là thứ gì đó tốt hơn là một thời kỳ tàn bạo đen tối bị thống trị bởi những thói mê tín dị đoan.

Nguồn cội tôn giáo của phần lớn tín ngưỡng ở Pháp khơi gợi trong các tín đồ của mình một sự thù hận không thể dập tắt, một yếu tố luôn khiến người nước ngoài phải kinh ngạc.

“Không có gì rõ ràng hơn, không có gì chắc chắn hơn, ngài Barret-Wendell viết trong cuốn sách của mình về nước Pháp, điều này: không chỉ những người bảo hoàng, những người cách mạng và những người ủng hộ Bonaparte luôn luôn tạo ra sự đối lập chết người, mà thậm chí dù sẵn có sự nhiệt tình đến say mê của tính cách Pháp, họ vẫn luôn luôn gây cho nhau một nỗi khiếp sợ về tinh thần sâu sắc. Những người tin rằng mình đang sở hữu chân lý không thể ngăn mình khẳng định rằng những người không tư duy giống như mình đều là những kẻ đồng lõa với sai lầm.

Mỗi bên đều sẽ trịnh trọng nói với bạn rằng các luật sư của bên đối lập đều bị khổ sở vì một sự ngớ ngẩn không dễ nhìn ra được hoặc đều gian dối một cách cố ý. Nhưng khi bạn gặp những luật sư ấy, những người này cũng nói với bạn đúng những điều tương tự về những kẻ đã gièm pha họ, bạn sẽ không thể làm gì khác là công nhận, với tất cả thiện ý, rằng họ không hề ngớ ngẩn và cũng không gian dối…”

Sự ghét cay ghét đắng lẫn nhau như vậy của các tín đồ thuộc mỗi bên ở nước ta đã luôn tạo dễ dàng cho sự lật đổ các chính phủ và các bộ trưởng. Những phe phái thiểu số không bao giờ từ chối liên minh với với phe chiến thắng. Chúng ta biết rằng một số lớn những người cách mạng thuộc phái Xã hội đã được bầu vào Nghị viện hiện nay là nhờ có sự ủng hộ của những người theo chủ nghĩa quân chủ vẫn còn thiếu hiểu biết như trong thời kỳ Cách mạng Pháp.

Những sự bất đồng về tôn giáo và chính trị của chúng ta không phải là những nguyên nhân duy nhất của sự bất hòa tại Pháp. Chúng được duy trì bởi những người có tâm tính đặc biệt đã được mô tả trên đây với cái tên là tâm tính cách mạng. Chúng ta đã thấy mỗi thời đại luôn luôn có một số nhất định những cá thể sẵn sàng nổi dậy chống lại trật tự đã được xác lập của các sự vật, bất luận trật tự ấy là gì, kể cả khi nó đã thực hiện mọi điều mong muốn của họ.

Sự không khoan dung của các phe đảng ở Pháp và ước muốn cướp chính quyền của chúng còn được tạo thuận lợi thêm nhờ niềm tin rất phổ biến trong thời kỳ Cách mạng rằng các xã hội có thể tạo dựng lại bằng luật pháp. Nhà nước hiện đại, dù người đứng đầu của nó là ai, theo con mắt của quần chúng và các thủ lĩnh của họ, đã thừa kế quyền lực thần bí từng được gắn cho các vị vua xưa, trong khi các vị vua lại được coi như sự hiện thân của ý chí thần thánh. Nhân dân không phải là những người duy nhất được khích lệ bởi lòng tin vào sức mạnh của Chính phủ. Tất cả các nhà lập pháp của chúng ta cũng đều như vậy.

Làm luật không ngừng, những kẻ đầu cơ chính trị không thể hiểu được rằng các thiết chế vốn là những kết quả chứ không phải là nguyên nhân, nên không mang trong mình bất kỳ một hiệu lực nào. Là người thừa kế những ảo tưởng cách mạng lớn, họ không nhìn thấy rằng con người được tạo ra bởi một quá khứ mà chúng ta bất lực trong việc làm lại những cơ sở của nó.

Cuộc đấu tranh giữa các nguyên lý gây chia rẽ nước Pháp đã được duy trì từ hơn một thế kỷ, chắc chắn sẽ còn tiếp tục trong thời gian dài nữa và không ai có thể tiên đoán những cuộc đảo lộn mới mà cuộc đấu tranh ấy có thể sinh ra. Dĩ nhiên, nếu những người Athenes trước thời đại của chúng ta đã từng đoán được rằng những sự bất hòa về xã hội của họ có thể dẫn tới sự lệ thuộc hóa đất nước Hi Lạp, thì chắc là họ đã phải từ bỏ điều đó, nhưng làm sao mà họ đã có thể tiên đoán? Ngài Guiraud đã mô tả chính điều đó: “Một thế hệ con người rất hiếm khi nhận thấy công việc mình đã làm. Nó chuẩn bị tương lai; nhưng cái tương lai ấy lại thường trái ngược với điều nó mong muốn.”

2. Tóm lược về các phong trào cách mạng tại Pháp trong vòng một thế kỷ.

Những nguyên nhân về tâm lý của các phong trào cách mạng ở Pháp từ một thế kỷ qua vừa được lý giải ở trên, giờ đây chỉ cần đưa ra một bảng tóm tắt về các cuộc cách mạng kế tiếp nhau của chúng ta.

Các hoàng đế của những nước liên minh sau khi đánh bại Napoleon, đã đưa nước Pháp trở về trong biên giới cũ và đưa Louis XVIII lên ngôi, một vị vua duy nhất khả dĩ lúc đó.

Bằng một hiến chương đặc biệt, nhà vua mới đã chấp nhận làm một vị vua theo chế độ quân chủ lập hiến với một chính thể đại nghị. Ông ta đã công nhận tất cả những thành quả của cuộc Cách mạng: Bộ Luật dân sự, sự bình đẳng trước pháp luật, tự do tín ngưỡng, tính không thể thu hồi của giấy bán tài sản quốc gia,... Quyền phổ thông đầu phiếu, tuy nhiên, được giới hạn cho những người nộp một khoản tiền thuế nhất định.

Bản Hiến pháp tự do này đã bị phái bảo hoàng cực đoan chống lại. Từng là những người thuộc phái đào vong, họ muốn được hoàn trả những tài sản quốc gia và khôi phục những đặc quyền xưa của họ.

Lo ngại rằng một phản ứng như vậy có thể kéo theo một cuộc cách mạng mới, Louis XVIII đã hạ xuống mức giải tán Nghị viện. Sau khi những cuộc bỏ phiếu đã bầu ra được các đại biểu ôn hòa, ông ta đã có thể tiếp tục cai trị bằng chính những nguyên tắc trước, vì hiểu rất rõ rằng ý muốn đưa những người Pháp trở lại thể chế cũ có thể sẽ khiến họ nổi dậy.

Tiếc rằng cái chết của ông ta, năm 1824, đã đưa bá tước xưa của xứ Artois xưa, Charles X lên ngai vàng. Rất thiển cận, không có khả năng hiểu được thế giới mới quanh mình, và khoe khoang là đã không thay đổi các ý tưởng của mình kể từ năm 1789, ông ta đã chuẩn bị một loạt những đạo luật phản động: luật về tiền bồi thường một tỉ cho những kẻ đào vong, luật về tội phạm thượng, khôi phục quyền con trưởng, ưu thế của giới tăng lữ,...

Vì đa số các đại biểu đã ngày càng tỏ ra đối nghịch hơn với các dự án của ông ta, ông ta đã ban bố, năm 1830, lệnh giải tán Nghị viện, đồng thời xóa bỏ quyền tự do báo chí và chuẩn bị cho việc khôi phục lại thể chế cũ.

Hiệu ứng đã có ngay tức thời. Hành động chuyên chế này đã dẫn đến một liên minh các thủ lĩnh của tất cả các đảng phái. Những người Cộng hòa, những người theo phái Bonaparte, những người bảo hoàng tự do đã liên minh với nhau để thúc đẩy nhân dân Paris nổi dậy. Bốn ngày sau khi công bố các Lệnh ấy, những người nổi dậy đã trở thành những ông chủ của thủ đô và Charles X đã phải chạy trốn sang Anh quốc.

Những thủ lĩnh của phong trào: Thiers, Casimir-Perier, Lafayette, v.v, đã triệu Louis-Philippe, người mà nhân dân không hề biết đến, về Paris và tôn lên làm vua của nước Pháp.

Được đặt vào vị trí giữa sự bàng quan của nhân dân và sự thù nghịch của giới quý tộc vẫn còn trung thành với triều đại hợp pháp, nhà vua mới đã dựa chủ yếu vào giới tư sản. Do một bộ luật bầu cử đã quy định giảm số lượng người bỏ phiếu xuống dưới hai trăm nghìn, giai cấp này đã giữ vai trò độc quyền trong chính phủ.

Tình thế của hoàng đế đã từng không dễ dàng. Ông ta đã phải cùng một lúc đấu tranh chống lại những người của phái Chính thống ủng hộ Henri V, cháu nội của Charles X; chống lại những người theo chính thể Bonaparte đang coi Louis-Napoléon, cháu ruột của Hoàng đế, như thủ lĩnh của mình, và sau nữa là chống những người Cộng hòa.

Qua những hội kín của mình, tương tự như các câu lạc bộ thời Cách mạng, những người này đã gây ra, từ năm 1830 đến 1840, rất nhiều cuộc dấy loạn, nhưng đều bị dập tắt dễ dàng.

Về phần mình, những người của phái Chính thống và của giới tăng lữ vẫn không ngừng thực hiện những cuộc vận động ngầm. Bà công tước xứ Berry, mẹ của Henri V, đã cố một cách vô vọng thúc đẩy xứ Vendee nổi dậy. Về phần giới tăng lữ, những đòi hỏi của họ kết cục đã khiến họ trở nên không thể chấp nhận được đến mức mà một cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, trong tiến trình của nó, tòa tổng giám mục Paris đã bị triệt phá.

Những người Cộng hòa là một đảng không nguy hiểm lắm, bởi vì Nghị viện đã đứng về phía với nhà vua trong cuộc đấu tranh chống lại họ. Ông bộ trưởng Guizot, người có chủ trương một chính quyền có hiệu lực, đã tuyên bố hai điều không thể thiếu để cầm quyền: “Lý lẽ và đại bác.” Vị chính khách nổi tiếng chắc chắn đã hiểu lầm đôi chút về vai trò của lý lẽ.

Bất chấp “chính phủ mạnh” này, mà trong thực tế nó không mạnh như thế, những người Cộng hòa, trước hết là những người Xã hội, vẫn tiếp tục sôi sục. Một trong những người có thế lực nhất, Louis Blanc, có tham vọng áp đặt lên chính phủ trách nhiệm cung cấp việc làm cho mọi công dân. Đảng Công giáo, được dẫn dắt bởi Lacordaire và Montalembert, đã liên kết với những người Xã hội - như ở Bỉ hiện nay - để tranh đấu với chính phủ.

Một đợt vận động ủng hộ cuộc cải cách bầu cử đã dẫn đến một cuộc nổi loạn vào năm 1848 khiến Louis-Philippe bị lật đổ. Sự sụp đổ của ông ta đã khó có thể giải thích hơn nhiều so với vụ lật đổ Charles X. Người ta đã ít có điều gì để chê trách ông ta. Chắc chắn là ông ta đã tỏ ra có sự nghi ngờ việc bỏ phiếu phổ thông, nhưng Cách mạng Pháp cũng từng hơn một lần nghi ngờ như vậy.

Vì Louis-Philippe, giống như Ban Đốc chính, không phải là một nhà cầm quyền độc đoán, nên sẽ không thể tùy thích hủy bỏ những cuộc bầu cử gây phiền toái, cũng như Ban Đốc chính đã làm.

Một chính phủ lâm thời được đặt tại Tòa Thị chính để thay thế nhà vua mới bị lật đổ. Chính phủ ban bố Nền Cộng hòa, thiết lập quyền bỏ phiếu phổ thông và ra sắc lệnh về việc nhân dân sẽ có quyền tham gia bầu cử Quốc hội với 900 đại biểu.

Ngay từ những ngày đầu tồn tại của mình, bản thân chính phủ này cũng đã bị rơi vào cuộc đấu tranh với những thủ đoạn của các đảng viên đảng Xã hội và với những cuộc nổi loạn.

Chúng ta đã thấy khi đó lại hiện ra những hiện tượng tâm lý từng được quan sát thấy trong cuộc Cách mạng thứ nhất. Đã hình thành nên những câu lạc bộ mà các thủ lĩnh đã thỉnh thoảng lại đẩy nhân dân xông vào Quốc hội, vì những lí do nào đó nói chung là thiếu lương tri, như buộc Chính phủ ủng hộ một cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan, chẳng hạn,...

Với niềm hi vọng làm thỏa mãn những người thuộc đảng Xã hội mỗi ngày càng trở nên dữ dằn và ồn ào hơn, Quốc hội đã tổ chức ra các phân xưởng quốc gia, trong đó những người công nhân được giao những công việc khác nhau. Trong những phân xưởng ấy có tới 100 000 công nhân, tiêu tốn của Nhà nước hơn một triệu mỗi tuần.

Yêu sách của họ được trả lương mà không cần làm việc đã buộc Quốc hội phải đóng cửa các phân xưởng.

Biện pháp ấy bắt nguồn cho một cuộc nổi dậy rất lớn. 50 000 công nhân đã nổi dậy. Quốc hội do quá sợ hãi, đã trao toàn quyền hành pháp cho tướng Cavaignac. Trong các trận chiến tấn công những người nổi loạn trong vòng 4 ngày, ba vị tướng và Tổng giám mục Paris đã chết. 3 000 tù nhân, theo lệnh của Quốc hội, đã bị đưa đi đày tại Algérie. Chủ nghĩa xã hội cách mạng, nhân dịp này, cũng bị đẩy lùi năm mươi năm.

Những sự kiện này đã làm giá trái phiếu rơi từ 116 xuống còn 50 franc. Việc kinh doanh bị ngưng trệ. Tầng lớp nông dân, những người tự cho là bị đe dọa bởi phái xã hội và phái tư sản, và bị Quốc hội tăng thuế gấp rưỡi, liền quay sang chống lại nền Cộng hòa, và khi Louis-Napoleon hứa hẹn khôi phục lại trật tự, ông này đã thấy mình được đón tiếp với lòng nhiệt tình. Là một ứng viên cho vị trí tổng thống của nước Cộng hòa mà theo Hiến pháp mới phải được bầu qua sự bỏ phiếu của toàn thể công dân, ông đã được bổ nhiệm với năm triệu rưỡi phiếu bầu.

Không lâu sau, trong cuộc xung đột với Nghị viện, vị hoàng tử quyết định thực hiện một cuộc đảo chính. Quốc hội bị giải tán, 30.000 người bị bắt, 10.000 người bị đi đày, khoảng một trăm nghị sĩ bị lưu đày.

Quộc đảo chính này, mặc dù giản đơn, nhưng đã được đón nhận rất thuận lợi, bởi vì khi đưa ra để xem xét thông qua bỏ phiếu toàn dân, nó đã nhận được bảy triệu rưỡi phiếu trên tổng số tám triệu phiếu bầu.

Ngày 2 tháng mười hai năm 1852, Napoleon đăng quang Hoàng đế với một đa số ủng hộ còn lớn hơn nữa. Chính nỗi khiếp sợ mà những kẻ mị dân và những người theo phái Xã hội gây ra cho đại đa số người dân Pháp đã khôi phục lại Đế chế.

Trong nửa đầu thời gian tồn tại của mình, nó đã tạo ra một thể chế chuyên chế và trong nửa sau là một thể chế tự do. Sau 18 năm cai trị, hoàng đế đã bị lật đổ bởi cuộc cách mạng tháng 4 năm 1870 do việc ông ta đầu hàng ở Sedan.

Kể từ thời kỳ này, các phong trào cách mạng đã trở nên hiếm hoi; phong trào duy nhất đáng kể là cuộc cách mạng tháng 3 năm 1871, dẫn đến sự đốt phá một phần những công trình kỷ niệm của Paris và sự hành hình khoảng 20.000 người khởi nghĩa.

Do cuộc chiến tranh năm 1870 mà các cử tri, giữa một quang cảnh với biết bao sự tàn phá, đã không còn biết phải hướng về ai, đã đẩy những nghị sĩ mà phần lớn là những người thuộc phái Orleant và phái chính thống vào Hội đồng Lập hiến. Do không thể thỏa thuận được để khôi phục một nhà nước quân chủ, họ đã lập M. Thiers làm tổng thống Nhà nước Cộng hòa, rồi sau đó lại thay thế bằng nguyên soái Mac-Mahon. Năm 1876, những cuộc bầu cử mới đã đẩy vào Nghị viện, cũng giống như tất cả những lần sau, một đa số thuộc phái Cộng hòa.

Những quốc hội kế tiếp kể từ thời kỳ này về sau luôn bị chia rẽ thành nhiều đảng phái, dẫn đến vô số những sự thay đổi bộ trưởng.

Tuy nhiên, chính là nhờ sự cân bằng có được từ sự phân chia đảng phái ấy mà từ bốn mươi năm nay chúng ta được hưởng một tình trạng yên tĩnh tương đối. Bốn vị Tổng thống Nhà nước Cộng hòa đã từng bị lật đổ mà không phải có cách mạng, và những cuộc nổi loạn, như cuộc nổi loạn của Miền Nam và của xứ Champagne, cũng không đưa đến những hậu quả lớn.

Tuy vậy, một phong trào bình dân rộng lớn, năm 1888, cũng đã suýt lật đổ Nhà nước Cộng hòa để ủng hộ cho tướng Boulanger, nhưng nó vẫn đứng vững và đã chiến thắng các cuộc tấn công của tất cả các đảng phái.

Có nhiều nguyên nhân đóng góp vào việc duy trì Nhà nước Cộng hòa hiện nay. Trước hết là trong số các phe phái tranh chấp chưa có phái nào đủ mạnh để đè bẹp các phái khác. Thứ hai là do chức nguyên thủ Quốc gia chỉ hoàn toàn là để trang trí và không sở hữu một quyền lực nào, nên không thể đổ lỗi cho ông ta về những nỗi thống khổ mà mọi người đang phải gánh chịu và cũng không thể khẳng định rằng mọi chuyện sẽ thay đổi, nếu lật đổ ông ta. Sau cùng là do quyền lực nằm phân tán trong hàng nghìn bàn tay, trách nhiệm cũng phân tán đến mức người ta khó có thể biết bắt đầu từ đâu. Người ta lật đổ một nhà độc tài, nhưng biết làm thế nào trước một đám đông những bạo chúa vô danh?

Nếu như cần phải tóm lược trong một vài lời về cuộc xoay vần được thực hiện ở Pháp trong suốt một thế kỷ nổi loạn và cách mạng, người ta có thể nói rằng nó đã thay những sự chuyên chế cá nhân dễ dàng bị lật đổ và do vậy khá yếu ớt, bằng những nền chuyên chế tập thể rất mạnh, khó có thể phá bỏ. Đối với những dân tộc khao khát bình đẳng và đã quen quy trách nhiệm cho chính phủ về mọi sự cố, sự chuyên chế cá nhân tỏ ra không thể chịu nổi, trong khi nền chuyên chế tập thể lại có thể chịu đựng được dễ dàng, cho dù là thường cứng rắn hơn nhiều.

Sự mở rộng của nền chuyên chế Nhà nước do vậy là kết quả sau cùng của những cuộc cách mạng khác nhau của chúng ta, nét đặc trưng chung của mọi thể chế từng nối tiếp nhau ở Pháp. Dạng thức này của nền chuyên chế có thể được xem như một lý tưởng của chủng người, bởi lẽ những cuộc đảo lộn liên tiếp của chúng ta chỉ càng làm nó mạnh thêm. Chủ nghĩa Nhà nước là một thể chế chính trị thực sự của các dân tộc Latinh, hệ thống duy nhất tập hợp được mọi phiếu bầu. Những dạng thức khác của thể chế - Cộng hòa, Quân chủ, Đế chế - chỉ là những nhãn hiệu rỗng, những cái bóng vô lực.

# Phần III. sự tiến hóa hiện đại của các nguyên lý cách mạng

Chương I. Sự tiến bộ của lòng tin dân chủ kể từ Cách mạng Pháp

1. Sự lan tỏa chậm chạp của những tư tưởng dân chủ sau Cách mạng Pháp.

Những tư tưởng được khảm vững chắc vào tư tưởng đã tiếp tục phát huy tác động trong nhiều thế hệ. Những tư tưởng thoát thai từ cuộc Cách mạng Pháp cũng không tránh khỏi quy luật này.

Nếu như thời gian tồn tại của cuộc Cách mạng Pháp với tư cách một thể chế rất ngắn ngủi, thì các nguyên tắc của nó, trái lại, có ảnh hưởng rất lâu dài. Trở thành một dạng của đức tin tôn giáo, chúng đã biến đổi sâu sắc phương hướng tình cảm và tư tưởng của nhiều thế hệ.

Mặc dù có đôi lúc gián đoạn, cuộc Cách mạng Pháp đã được tiếp nối và còn kéo dài nữa. Vai trò của Napoleon không chỉ giới hạn ở việc làm đảo lộn thế giới, thay đổi bản đồ châu Âu và lặp lại những chiến công của Alexandre. Quyền hạn mới của các dân tộc do Cách mạng đem lại và được nó định hình trong các thiết chế và các bộ luật đã gây ra một ảnh hưởng sâu sắc ở khắp nơi. Sự nghiệp quân sự của kẻ chinh phục đã sụp đổ rất nhanh chóng, nhưng các nguyên tắc cách mạng mà nó góp phần quảng bá đã sống lâu hơn nó.

Những sự phục hưng đa dạng diễn ra sau Đế chế đã khiến người ta lãng quên đôi chút các nguyên lý của Cách mạng Pháp. Chúng đã lan tỏa khá chậm trong suốt năm mươi năm. Người ta thậm chí còn có thể nói rằng nhân dân đã mất hẳn kí ức về chúng. Chỉ có hoạt động của một nhóm nhỏ các nhà lý luận còn duy trì được ảnh hưởng của chúng. Là những người thừa kế đầu óc đơn giản hóa quá mức của phái Jacobin, chấp nhận rằng các xã hội cũng giống như họ đều có thể tổ chức lại được hoàn toàn bằng luật pháp, đồng thời tin rằng Đế chế chỉ làm gián đoạn sự nghiệp cách mạng, nên họ đã muốn bắt đầu lại sự nghiệp ấy.

Trong khi chờ đợi lấy lại năng lực tái khởi động cách mạng, họ đã cố gắng truyền bá các nguyên lý của nó bằng những bài viết của mình. Là những người bắt chước trung thành các nhân vật cách mạng, họ không hề bận tâm về việc những dự án cải cách của mình liệu có phù hợp với bản chất của con người hay không. Họ cũng là những người đang cố thử xây dựng một xã hội ảo tưởng cho con người lý tưởng và vẫn tin chắc rằng việc vận dụng những điều ước của họ sẽ có tác dụng phục hưng nhân loại.

Không còn năng lực xây dựng, các nhà lý luận của mọi thời đại đều từng tràn đầy khả năng phá bỏ. Napoleon đã khẳng định tại Sainte-Helene rằng “giả như từng hiện hữu một nền quân chủ được xây nên bằng đá hoa cương, thì tính lý tưởng của các nhà lý luận vẫn có đủ sức để nghiền nó thành bột mịn.”

Trong nhóm thất tinh mơ mộng này, như Saint-Simon, Fourier, Pierre Leroux, Louis Blanc, Quinet,... chúng ta chỉ thấy có Auguste Comte hiểu được rằng sự chuyển đổi tư tưởng và thói quen cần phải diễn ra trước khi thực hiện sự tái tổ chức về chính trị. Còn xa với ý định thúc đẩy việc truyền bá các tư tưởng dân chủ, những dự án cải cách của các nhà lý luận trong thời kỳ này chỉ làm chậm tiến trình của chúng. Chủ nghĩa xã hội theo khuynh hướng cộng sản, mà bằng chiêu thức của nó nhiều người trong số họ đã bày tỏ tham vọng tái khởi động cách mạng, rốt cuộc đã làm khiếp sợ giai cấp tư sản và thậm chí cả các giai tầng lao động. Chúng tôi từng nhấn mạnh rằng nỗi sợ hãi đối với các tư tưởng của họ đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu của việc tái lập nền Đế chế.

Nếu như không có một công trình nào, vừa dày công vừa ảo tưởng, của các văn sỹ chính trị nửa đầu thế kỷ XIX đáng được đưa ra trao đổi, thì cũng nên lướt qua chúng để khẳng định vai trò từng có của những mối quan tâm mang tính tôn giáo và đạo đức ngày ấy, nhưng giờ đây đang bị xem thường hoàn toàn. Tin rằng một xã hội mới, cũng như các xã hội cũ, không thể được dựng lên mà không có lòng tin về tôn giáo và đạo đức, các nhà cải cách đều đã luôn cố gắng tìm kiếm những niềm tin ấy.

Vậy dựa vào đâu để tạo ra chúng? Chắc chắn là trên cơ sở lý tính. Với lý tính, người ta chế tạo được những cỗ máy phức tạp, vậy tại sao lại không chế ra được một tôn giáo hay một nền tảng tinh thần, những thứ tưởng chừng như đơn giản hơn? Không một ai trong số họ tin rằng các tín ngưỡng hay tinh thần, đạo đức được xây dựng trên nền tảng của logic hợp lý. Chính Auguste Comte cũng không nhìn thấy gì sáng rõ hơn. Chúng ta biết rằng ông này đã xây dựng nên một tín ngưỡng gọi là tín ngưỡng thực chứng, cho đến nay vẫn còn chừng nửa tá môn đồ. Ở đấy các nhà khoa học đã phải hợp thành một đám tăng lữ được dẫn dắt bởi một Giáo hoàng mới, thay thế cho Giáo hoàng Cơ đốc.

Tất cả những luận thuyết này - chính trị, tôn giáo hay đạo đức - của các nhà lý luận đều đã không đưa đến, tôi xin nhắc lại, kết quả nào khác ngoài việc làm cho quần chúng bị chệch hướng trong thời gian dài khỏi những nguyên lý dân chủ.

Nếu những nguyên lý ấy cuối cùng đã được phổ biến rộng rãi, thì đó không phải là bởi các nhà lý luận, mà là do trước đó những điều kiện tồn tại mới đã được nảy sinh. Nhờ có những phát minh khoa học, nền công nghiệp đã phát triển và tạo ra những nhà máy khổng lồ. Những nhu cầu kinh tế ngày càng chi phối các chính phủ nhiều hơn và cuối cùng đã tạo ra mảnh đất thuận lợi cho sự mở rộng của Chủ nghĩa xã hội, trước hết là phong trào công đoàn, những dạng thức đương thời của các tư tưởng dân chủ.

2. Số phận chênh lệch của 3 nguyên lý cơ bản của Cách mạng Pháp.

Di sản của Cách mạng Pháp được gói gọn trong câu khẩu hiệu của nó: tự do, bình đẳng, bác ái.

Nguyên lý bình đẳng, như chúng tôi đã nói, đã gây được ảnh hưởng to lớn, song số phận của hai nguyên lý kia lại không như vậy.

Mặc dù ngữ nghĩa của những từ này dường như khá rõ, chúng lại được hiểu theo nhiều cách rất khác nhau, tùy thuộc vào thời đại và con người. Chúng ta đều biết sự giải thích khác nhau của cùng một từ ngữ bởi những con người có tâm tính không giống nhau từng là một trong những nguyên nhân thường gặp nhất gây ra những cuộc đấu tranh lịch sử.

Đối với Hội Quốc ước, tự do mang ý nghĩa duy nhất là sự thực hành không giới hạn sự chuyên chế của mình. Đối với một trí thức trẻ thời hiện đại, cũng từ ngữ ấy lại hàm ý sự giải thoát khỏi tất cả những gì gây khó chịu cho anh ta: truyền thống, luật pháp, sự trịch thượng,... Đối với những chính khách Jacobin thời hiện đại, tự do thể hiện trước hết ở quyền công kích các đối thủ của họ.

Nếu như các diễn giả chính trị còn đôi lần nói về tự do trong những bài nói của họ, thì thông thường họ từ chối nhắc tới khái niệm bác ái. Cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, chứ không phải là sự xích lại gần nhau của chúng, chính là điều mà họ đang giảng dạy hiện nay. Chưa bao giờ có một sự thù hận sâu sắc hơn từng chia rẽ các giai tầng xã hội và các chính đảng của họ.

Tuy vậy, trong khi tự do đang trở nên hết sức bất định và bác ái đang biến đi hoàn toàn, nguyên lý bình đẳng lại liên tục phát triển lớn mạnh. Nó đã vượt qua được mọi cuộc đảo lộn chính trị mà nước Pháp từng là vũ đài trong suốt thế kỷ qua và đã đạt được sự phát triển đến mức mà đời sống chính trị và xã hội của chúng ta, các luật pháp, thói quen và tập quán của chúng ta đã lấy nguyên lý này làm cơ sở, ít ra là về phương diện lý thuyết. Nó trở thành di sản thực thụ của Cách mạng. Nhu cầu về bình đẳng, không chỉ trước luật pháp, mà cả địa vị và vận mệnh là cột trụ ngay cả trong bước tiến hóa dân chủ cuối cùng: chủ nghĩa xã hội. Nhu cầu này mạnh mẽ đến mức đủ sức lan tỏa đến mọi nơi, mặc dù trong sự mâu thuẫn với mọi quy luật sinh học và kinh tế. Đây chính là một pha mới trong cuộc đấu tranh liên tục của các tình cảm chống lại lý tính, trong đó lý tính rất hiếm khi thắng cuộc.

3. Nền dân chủ của trí thức và nền dân chủ bình dân.

Tất cả những tư tưởng từng làm đảo lộn thế giới cho đến nay đều phụ thuộc vào hai quy luật sau: đều tiến hóa chậm chạp, đều biến đổi hoàn toàn ý nghĩa tùy thuộc vào tâm tính đón nhận chúng.

Mỗi học thuyết đều có thể so sánh với một sinh vật. Nó chỉ còn tồn tại khi nó biến đổi. Các cuốn sách đều câm lặng một cách đương nhiên đối với những quá trình biến đổi này, cho nên pha diễn biến của các sự vật mà chúng ghi lại đều thuộc về quá khứ. Chúng không phản ánh hình ảnh của sự sống mà là hình ảnh của cái chết. Bản tường trình thành văn của một học thuyết thông thường phản ánh khía cạnh không đáng kể nhất của học thuyết ấy.

Tôi đã chỉ ra trong một công trình khác về việc các thiết chế, các ngôn ngữ và nghệ thuật biến đổi như thế nào khi chuyển từ dân tộc này qua một dân tộc khác, và các quy luật của những biến đổi ấy sai khác đến chừng nào so với những gì được mô tả trong sách. Bây giờ tôi chỉ nhắc sơ qua điều này với mục đích giải thích vì sao khi nghiên cứu các tư tưởng dân chủ, chúng tôi chú tâm rất ít đến bản văn của các học thuyết và chỉ nghiên cứu những yếu tố tâm lý học được chúng dùng làm vỏ bọc, tiếp đến là những phản ứng mà chúng gây ra đối với các giai tầng khác nhau đã tiếp nhận chúng.

Bị biến đổi nhanh chóng bởi những con người mang tâm tính khác nhau, học thuyết ban đầu sớm trở thành một cái nhãn ám chỉ những sự vật hoàn toàn khác với chính nó.

Áp dụng được cho những tín ngưỡng tôn giáo, những nguyên lý này cũng trở nên tương tự như đối với các tín ngưỡng chính trị. Khi người ta nói đến dân chủ, chẳng hạn, chúng ta cần phải xác định xem từ này ám chỉ điều gì đối với những dân tộc khác nhau, và cũng phải tìm hỏi xem liệu ngay trong cùng một dân tộc sẽ có sự khác biệt lớn nào giữa nền dân chủ của trí thức và nền dân chủ bình dân.

Bây giờ tự giới hạn ở việc xem xét điểm sau cùng này, chúng ta sẽ nhận ra một cách dễ dàng rằng các tư tưởng dân chủ trong sách và trên báo chí đều là những khái niệm thuần lý thuyết của những người có học thức, nhân dân không hề biết đến và, vả chăng, khi áp dụng chúng họ cũng không được lợi lộc gì. Nếu người công nhân sở hữu quyền theo lý thuyết vượt qua rào ngăn phân cách anh ta với những giai cấp lớp trên thông qua một loạt những cuộc thi và kiểm tra, thì cơ hội để anh ta đạt tới đích là rất nhỏ bé.

Nền dân chủ của những người có học thức không có mục tiêu nào khác là tạo ra một sự lựa chọn, qua đó người được tuyển dụng hoàn toàn thuộc giai cấp cầm quyền. Tôi sẽ không thấy có điều gì phải nói lại ở đây, nếu sự tuyển chọn này là thực tế. Khi đó nó sẽ là sự vận dụng câu châm ngôn của Napoleon: “Sự vận hành thực sự của một chính phủ là việc sử dụng giai cấp quý tộc, nhưng với những dạng thức dân chủ.”

Đáng tiếc là nền dân chủ của trí thức chỉ dẫn đến sự thay thế Luật Thánh của các ông vua bằng Luật Thánh của một nhóm nhỏ bọn trùm đầu sỏ, những kẻ thường rất chuyên quyền và thiển cận. Không phải chỉ dùng cách thay thế một nền chuyên chế mà người ta có thể tạo lập được tự do.

Nền dân chủ bình dân không hề nuôi ý định tạo ra những người lãnh đạo, như loại vừa kể trên. Hoàn toàn bị khống chế bởi tinh thần bình đẳng và ước muốn cải thiện đời sống của người lao động, nó đã gạt sang một bên khái niệm bác ái và không hề bận tâm đến tự do. Một chính thể mà nó có thể mường tượng chỉ là dạng thức chuyên chế. Chúng ta nhận ra nó, không phải chỉ bởi lịch sử từ thời Cách mạng từng cho thấy các thể chế chuyên quyền được hoan hô nhiệt liệt, mà trước hết là qua cách thức chuyên chế mà các nghiệp đoàn công nhân được dẫn dắt.

Điều phân biệt sâu sắc này giữa nền dân chủ của những giai cấp có học và nền dân chủ bình dân được thấy rõ hơn nhiều đối với những người công nhân so với những người trí thức. Vì không có điều gì chung trong tâm tính của họ, nên những người thứ nhất và thứ hai không nói bằng cùng một loại ngôn từ. Những người theo phái công đoàn ngày nay đang tuyên bố mạnh mẽ rằng không một mối liên minh nào là khả thi giữa họ và những kẻ đầu cơ chính trị của giai cấp tư sản. Điều khẳng định thật là chính xác tuyệt đối.

Thực tế bao giờ cũng là như vậy và chắc chắn vì thế mà nền dân chủ bình dân, từ thời Platon đến nay, chưa từng được bảo vệ bởi các nhà tư tưởng lớn. Thực tế này đã làm kinh ngạc Emile Faguet.

“Hầu như tất cả các nhà tư tưởng của thế kỷ XIX, ông nói, đều không phải là những người dân chủ. Khi tôi viết về các chính trị gia và các nhà đạo đức học của tôi thời thế kỷ XIX, đó là điều làm tôi thất vọng. Tôi đã không thể tìm được một ai trong số đó là người dân chủ; tôi thực sự rất mong tìm được một người mà tôi có thể đề cao học thuyết về dân chủ theo ông ta”.

Nhà văn nổi tiếng chắc chắn đã tìm thấy nó rất nhiều ở những kẻ đầu cơ chính trị chuyên nghiệp, nhưng họ lại hiếm khi thuộc hàng những nhà tư tưởng.

4. Sự bất bình đẳng tự nhiên và sự bình đẳng hóa dân chủ.

Điều khó khăn trong việc dung hòa sự bình đẳng hóa dân chủ và những bất bình đẳng tự nhiên là một trong những vấn đề khó khăn bậc nhất của thời đại hiện nay. Chúng ta hiểu những ước muốn về dân chủ. Hãy cùng xem câu trả lời của thiên nhiên cho những ước muốn này.

Các tư tưởng dân chủ, những thứ thường rất hay làm rung chuyển thế giới, từ thời đại Hy Lạp xa xưa tới ngày nay, đều từng vấp phải những bất bình đẳng tự nhiên. Hiếm khi mà những người quan sát tin rằng, cùng với Helvetius, sự bất bình đẳng giữa người với người được tạo ra bởi sự giáo dục.

Trên thực tế, thiên nhiên không biết đến sự bình đẳng. Nó phân bố một cách khác nhau những thứ như thiên tài, vẻ đẹp, sức khỏe, sức sống mạnh mẽ, tính thông minh và mọi phẩm chất có thể đem lại cho những kẻ sở hữu chúng sự vượt trội so với đồng loại.

Vì không một lý thuyết nào có thể làm thay đổi những sự khác biệt này, nên các học thuyết dân chủ sẽ mãi còn bị giam hãm trong những lời nói, cho tới ngày mà các luật về di truyền sẽ đành chịu hợp nhất các khả năng của con người.

Liệu chúng ta có thể giả thiết rằng các xã hội cuối cùng sẽ có thể thiết lập một cách nhân tạo sự công bằng mà thiên nhiên đã chối từ?

Suốt một thời gian dài, một vài nhà lý luận tin rằng giáo dục có thể tạo ra một mực san bằng chung. Nhiều năm dài thể nghiệm đã cho thấy tầm sâu của ảo tưởng ấy.

Tuy nhiên, cũng không phải là không thể có chuyện Chủ nghĩa xã hội thắng lợi có thể thiết lập trong một khoảng thời gian nào đó sự công bằng, bằng cách loại bỏ tuyệt đối những cá thể cao siêu. Người ta có thể thấy trước điều gì sẽ đến với một dân tộc sau khi đã loại bỏ hết những tinh hoa của nó, trong khi các dân tộc khác bao quanh nó tiếp tục tiến lên nhờ vào những phần tử ưu tú của họ.

Thiên nhiên không chỉ không biết tới sự bình đẳng, mà ngay từ cội nguồn của mọi thời đại, nó đã luôn hiện thực hóa những bước tiến của mình bằng những sự phân hóa liên tục, nghĩa là bằng những sự không đồng đều ngày càng rõ hơn. Chỉ có chúng là có thể nuôi nấng cái tế bào sống tối tăm âm thầm từ những thời kỳ địa chất xa xưa thành những sinh vật bậc cao mà những phát minh của chúng sẽ làm biến đổi bề mặt Trái đất.

Hiện tượng tương tự cũng quan sát thấy trong các xã hội. Các dạng thức của nền dân chủ, nhân tố tuyển lựa những phần tử xuất sắc từ các giai cấp bình dân, đã đưa đến kết quả sau cùng là tạo ra một tầng lớp quý tộc có học thức, một hệ quả trái ngược với điều mơ ước của các nhà lý thuyết thuần túy: hạ thấp tất cả những phần tử cao siêu của một xã hội xuống mức của những phần tử lớp dưới.

Cùng với những quy luật của tự nhiên, vốn đối nghịch với các lý thuyết bình đẳng, còn có các hoàn cảnh của sự tiến bộ hiện đại. Vì khoa học và công nghiệp đòi hỏi những cố gắng về trí tuệ ngày càng lớn hơn, nên những sự không đồng đều về trí tuệ và những sự khác biệt về điều kiện xã hội mà chúng sản sinh ra sẽ chỉ có thể càng sâu sắc hơn.

Do vậy, chúng ta quan sát thấy hiện tượng đáng kinh ngạc sau đây: luật pháp và các thiết chế càng muốn cào bằng các cá thể, thì những tiến bộ của nền văn minh càng có xu hướng phân hóa họ nhiều hơn. Từ người nông dân đến nam tước phong kiến khoảng cách về trí tuệ là tương đối nhỏ, còn từ người công nhân đến người kỹ sư, khoảng cách ấy thật sự to lớn và còn tiếp tục gia tăng. Bởi lẽ khả năng đã trở thành nhân tố chủ chốt của sự tiến bộ, nên những phần tử có khả năng của mỗi giai cấp đều vượt lên, trong khi những người trung bình vẫn dậm chân tại chỗ hoặc đi xuống. Vậy luật pháp có thể làm được gì đối với những tính tất yếu không thể tránh khỏi như thế?

Một cách vô vọng, những người không có tài cho rằng vì họ là số đông nên họ là sức mạnh. Do thiếu đầu óc cao siêu, những thứ mà mọi người lao động đều được hưởng lợi nhờ các nghiên cứu của chúng, họ sẽ có thể nhanh chóng rơi vào tình trạng đói nghèo và chủ nghĩa vô chính phủ.

Vai trò trụ cột của những người ưu tú trong các nền văn minh hiện nay tỏ ra quá rõ ràng, nên không cần phải chứng minh nữa. Bởi lẽ các dân tộc văn minh và các dân tộc còn lạc hậu đều có một số trung bình giống nhau về tỉ lệ người thường, sự vượt trội thực sự của nhóm thứ nhất có được là hoàn toàn nhờ ở những bộ óc cao siêu mà chúng sở hữu. Hoa Kỳ là nước rất hiểu điều đó, nên đã cấm nhập cư đối với công nhân người Hoa, những người có khả năng tương tự như những công nhân Mỹ nhưng họ chấp nhận làm việc với giá thấp hơn, nên gây ra một sự cạnh tranh đáng sợ cho công nhân Mỹ.

Bất chấp những điều hiển nhiên này, chúng ta vẫn thấy sự đối kháng giữa quần chúng đông đảo và nhóm người tinh hoa vẫn ngày càng tăng lên. Không có một giai đoạn nào nhóm người tinh hoa lại trở nên cần thiết đến thế, nhưng cũng không bao giờ họ lại khó được chấp nhận đến thế.

Một trong những xung đột của những người theo thuyết xã hội là sự thù hận đối với lớp người tinh hoa. Những tín đồ của nó luôn quên rằng các tiến bộ khoa học, nghệ thuật, công nghiệp là nhân tố tạo ra sức mạnh của một quốc gia và sự phồn vinh của hàng triệu người lao động, nhưng lại chỉ nhờ vào một nhóm nhỏ những bộ óc cao siêu.

Nếu người công nhân ngày nay nhận được tiền lương cao gấp ba lần so với cách đây một trăm năm và được hưởng các tiện nghi mà ngày ấy ngay cả những bậc vương giả cũng chưa biết tới, thì duy nhất là nhờ ở những con người với bộ óc cao siêu.

Giả thiết rằng nhờ một phép thần kỳ mà thuyết xã hội đã được mọi người chấp nhận từ một thế kỷ trước đây. Do sự mạo hiểm, sự suy đoán, sáng kiến, tóm lại là những gì kích thích hoạt động của con người, đều đã được xóa bỏ, thì không một tiến bộ nào còn có thể được sinh ra và người công nhân vẫn sẽ là người nghèo khổ. Người ta đơn thuần đã tạo ra sự bình đẳng trong sự khốn cùng hằng mơ ước bởi lòng ghen tị và sự đố kỵ của một đám đông với đầu óc tầm thường. Không thể vì sự thỏa mãn cho một lý tưởng tầm thường như vậy mà loài người một lúc nào đó sẽ từ chối những tiến bộ của nền văn minh.

Chương II. Những hệ quả của sự tiến hóa dân chủ

1. Ảnh hưởng do những lý thuyết thiếu giá trị gây ra cho sự tiến hóa xã hội.

Chúng ta vừa thấy rằng các quy luật tự nhiên không phù hợp với những khát vọng dân chủ. Chúng ta cũng biết rằng một điều ghi nhận như thế không bao giờ gây được ảnh hưởng đến những học thuyết đã khắc sâu trong tâm hồn. Con người được dẫn dắt bởi một tín ngưỡng không bao giờ lo lắng đến giá trị thực của nó.

Nhà triết học nghiên cứu tín ngưỡng ấy, dĩ nhiên phải bàn cãi về nội dung thuần lý của nó, nhưng cần quan tâm nhiều hơn đến ảnh hưởng của nó tới trí tuệ chung.

Vận dụng vào việc giải thích tất cả những tín ngưỡng lớn trong lịch sử, tầm quan trọng của nét đặc sắc này sẽ hiện ra tức thì. Jupiter, Moloch, Vichnou, Allah và biết bao vị thần khác nhìn từ góc độ thuần lý chắc chắn là những ảo tưởng giản đơn, nhưng vai trò của họ trong đời sống của các dân tộc là đáng kể.

Chính sự khác biệt này cũng có thể ứng dụng cho các tín ngưỡng từng thống trị Thời kỳ Trung cổ và từng bắt hàng nghìn con người cúi mình trước những bàn thờ. Rất hão huyền, song những tín ngưỡng này vẫn gây được ảnh hưởng sâu sắc như thể chúng đã phản ánh thực tiễn.

Nếu có ai đó còn nghi ngờ điều này, chỉ cần để họ so sánh sự thống trị của Đế chế La Mã với sự thống trị của Nhà thờ. Sự thống trị của Đế chế La Mã rất xác thực, rất hiện thực, không gây ra một ảo giác nào. Sự thống trị của Nhà thờ, tuy chỉ dựa trên những cơ sở viển vông, nhưng vẫn có quyền lực mạnh mẽ. Nhờ có nó, trong suốt đêm dài Trung cổ, những dân tộc còn bán mông muội đã có được những sự ràng buộc, sự kiềm chế xã hội và tâm hồn dân tộc, mà giả như không có chúng thì không thể có được sự khai hóa.

Quyền lực mà Nhà thờ sở hữu còn chứng minh rằng sức mạnh của một số điều ảo tưởng là đủ lớn để tạo ra những tình cảm, ít ra là trong chốc lát, trái ngược cả với lợi ích của cá thể cũng như lợi ích của tập thể, chẳng hạn như đời sống của tu sĩ, lòng mong muốn tử vì đạo, những cuộc thập tự chinh, những cuộc chiến tranh tôn giáo,...

Việc áp dụng vào các tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa những điều nhận xét trên đây cho thấy rằng dù những tư tưởng này không có bất kỳ một cơ sở nào có thể bảo vệ được, nhưng điều đó cũng không mấy quan trọng. Chúng gây xúc động cho những tâm hồn, và điều đó cũng là đủ. Các hệ quả của chúng có thể trở nên rất khó lường, song chúng ta không thể làm gì để ngăn cản chúng.

Những nhà truyền bá các học thuyết mới hẳn là đã nhầm to khi gây ra bao điều xấu để kiếm tìm một nền tảng hợp lý cho những khát vọng của mình. Họ sẽ mãi còn đi thuyết phục, dựa nhiều hơn nữa vào cách tự hạn chế mình trong những lời khẳng định và gieo mầm cho những niềm hi vọng. Sức mạnh thực tế của họ nằm ở tâm tính tôn giáo gắn liền với trái tim con người và, trong chuỗi kế tiếp của thời đại, nó chỉ thay đổi nội dung. Như vậy, chúng ta sẽ chỉ phân tích trên quan điểm triết học những hệ quả đa dạng của sự tiến hóa dân chủ mà giờ đây đang tăng tốc. Nhân tiện, chúng ta nói về Nhà thờ thời Trung cổ, rằng nó từng có sức mạnh gây tác động sâu sắc đối với tâm tính con người. Trong khi xem xét một số kết quả mà những học thuyết dân chủ đem lại, chúng ta sẽ thấy rằng sức mạnh hiện tại của chúng cũng không kém.

2. Tinh thần Jacobin và tâm tính hình thành từ lòng tin dân chủ.

Các thế hệ hiện nay không chỉ được thừa kế những nguyên lý cách mạng, mà còn cả tâm tính đặc biệt, những thứ đã khiến chúng chiến thắng.

Mô tả tâm tính này trong khi nghiên cứu tinh thần Jacobin, chúng tôi thấy nó luôn cố dùng bạo lực áp đặt những ảo tưởng, được xem như những sự thật. Tinh thần Jacobin cuối cùng đã trở nên phổ cập ở Pháp và tại các quốc gia Latinh đến mức chiến thắng tất cả các đảng phái chính trị, kể cả những đảng bảo thủ nhất. Giai cấp tư sản đã bị nó tác động sâu sắc, và nhân dân thì còn hơn thế nữa.

Sự lan tỏa ấy của tinh thần Jacobin đã đem lại kết quả là các quan niệm chính trị, các thể chế và luật pháp đều luôn có khuynh hướng áp đặt thông qua bạo lực. Chính vì vậy mà chủ nghĩa công đoàn, vừa thanh bình, vừa có phương pháp trong những quốc gia khác, ở nước ta lại tức thời khoác lên mình những dáng vẻ không khoan nhượng và vô chính phủ, biểu hiện ra dưới hình thức những cuộc nổi loạn, phá hoại ngầm và đốt phá.

Không bị đàn áp bởi những chính phủ luôn sợ sệt, tinh thần Jacobin đã gây ra những tác hại bi thảm trong những bộ óc với khả năng tầm thường. Tại đại hội mới đây của các nhân viên đường sắt, một phần ba số đại biểu đã bỏ phiếu ủng hộ sự phá ngầm và một trong những thư ký của đại hội đã bắt đầu bài nói của mình như sau: “Tôi cho phép mình gửi tới tất cả những người phá hoại ngầm lời chào mừng tình anh em và tất cả sự cảm phục của tôi”.

Tâm tính chung này sản sinh ra tình trạng vô chính phủ ngày càng tăng. Nếu như nước Pháp không bị rơi vào trạng thái cách mạng thường xuyên, thì đó là vì, như tôi đã nhấn mạnh ở trên, tất cả các phe đảng phân chia nó đã tạo ra một trạng thái gần cân bằng. Chúng đều bị kích động bởi một lòng hận thù chết người chống đối nhau, nhưng không một phe nào đủ mạnh để chế ngự các đối thủ của mình.

Tính không khoan dung Jacobin đã lan rộng đến mức mà các nhà cầm quyền đã sử dụng không ngần ngại những biện pháp cách mạng nhất đối với những kẻ thù của mình bằng cách truy hại mạnh mẽ những đảng phái thể hiện sự đối lập nhỏ nhất đối với họ, kể cả tước đoạt tài sản.

Các nhà cầm quyền của chúng ta ngày nay cũng cư xử giống như những kẻ chinh phục thời trước. Kẻ thất trận không còn gì để hy vọng ở kẻ chiến thắng.

Không chỉ là thứ riêng có của các giai cấp bình dân, tính không khoan dung cũng quan sát thấy trong các giai cấp lãnh đạo. Michelet đã nhận xét từ lâu rằng bạo lực của những kẻ có học đôi khi còn mạnh mẽ hơn cả bạo lực của nhân dân. Dĩ nhiên là họ không đập nát những cây đèn đường phố, nhưng rất sẵn sàng ra lệnh đập nát những đầu người. Những sự kiện bạo lực tồi tệ nhất của Cách mạng Pháp đã được thực hiện bởi những người tư sản có học, giáo sư, luật sư,... những kẻ sở hữu học thức kinh điển mà người ta tưởng như có tác dụng làm cho phong tục thuần hơn.

Học thức kinh điển hôm nay cũng không làm cho phong tục thuần hơn so với thời kỳ ấy. Người ta nhận thấy điều đó trong khi lướt qua những báo chí tiên tiến với những biên tập viên được tuyển chọn trước hết trong số các giáo sư đại học.

Trong sách của họ cũng chất chứa bạo lực như những bài báo của họ và người ta tự hỏi làm cách nào mà con người được số phận ưu ái ấy có thể hình thành được một kho dự trữ thù hận lớn đến vậy.

Người ta đã thực sự khó khăn để tin họ, liệu có phải họ đảm bảo với chúng ta rằng đã bị một nhu cầu mãnh liệt về lòng vị tha giằng xé. Người ta sẽ chấp nhận dễ dàng hơn rằng bên cạnh một tâm tính tôn giáo hẹp hòi, niềm hy vọng được những người có thế lực hiện thời để ý tới, hoặc để tạo cho mình một sự nổi tiếng có lợi trong lòng dân là những lời giải thích duy nhất có thể cho những sự kiện bạo lực được phô bày trong các bài viết phục vụ tuyên truyền của họ.

Trong một công trình trước đây của mình, tôi đã dẫn những trích đoạn từ cuốn sách của một vị giáo sư ở College de France, trong đó tác giả kích động nhân dân chiếm đoạt tài sản của giai cấp tư sản, mà ông ta chửi rủa dữ dội, và tôi đã đi tới kết luận rằng một cuộc cách mạng mới sẽ tuyển chọn dễ dàng trong đám tác giả của những công trình viết lách cặm cụi như những Marat, những Robespierre và những Carrier mà nó cần đến.

Tôn giáo Jacobin – trước hết là dưới hình thức xã hội chủ nghĩa của nó – có toàn bộ sức mạnh của các vị thần thời cổ đối với những đầu óc tầm cỡ hạn hẹp. Bị loá mắt bởi đức tin của mình, họ tin là có lý tính dẫn đường và được dẫn dắt duy nhất bởi những đam mê và những ước mơ của mình.

Như vậy, sự tiến hóa của những tư tưởng dân chủ, ngoài những ảnh hưởng chính trị đã được nhắc tới ở trên, đã kéo theo những hệ quả đáng kể đối với tâm tính của con người thời hiện đại.

Nếu như những giáo điều tôn giáo cổ xưa từ lâu đã rút kiệt nội dung của mình, các lý thuyết dân chủ còn lâu mới dùng cạn được nội dung của chúng, và chúng ta vẫn còn thấy các hệ quả của chúng mở rộng thêm mỗi ngày. Một trong những hệ quả quan trọng nhất từng là lòng thù hận phổ biến đối với những kẻ ưu tú.

Sự thù hận này của những người vượt trội hơn mức trung bình nhờ địa vị xã hội, sự giầu có hoặc trí thông minh là phổ biến trong tất cả các giai cấp ngày nay, từ công nhân đến những tầng lớp trên của giới tư sản.

Nó đem lại những kết quả như: sự đố kỵ, sự gièm pha, nhu cầu tấn công, chế giễu, truy hại, sẵn sàng làm mọi hành động với những căn cứ thấp hèn, từ chối tin vào tính trung thực, sự vô tư, trí thông minh. Những cuộc chuyện trò, cả trong dân gian, cũng như trong giới có học, đều là những dấu ấn của nhu cầu làm giảm giá trị và hạ thấp mọi thứ và mọi người. Thậm chí cả những cái chết vĩ đại nhất cũng không thoát khỏi tình cảm này. Chưa bao giờ người ta lại viết nhiều sách đến thế để gièm pha công trạng của những con người nổi tiếng mà trước kia từng được xem như tài sản quý báu của một quốc gia.

Sự đố kỵ và lòng thù hận dường như trong mọi thời đại đều đã từng không thể tách rời khỏi những lý thuyết dân chủ, song sự phát triển của những tình cảm ấy thì chưa từng bao giờ lại mạnh mẽ như ngày nay. Nó khiến cho mọi nhà quan sát phải ngạc nhiên.

“Có một bản năng mị dân thấp hèn, ngài Bourdeau viết, không hề có một khát vọng tinh thần nào, một thứ bản năng mơ ước hạ thấp loài người xuống mực thấp nhất và cho rằng mọi sự vượt trội hơn, kể cả về văn hóa đều là sự xúc phạm đối với xã hội…; chính cái cảm tính về thứ bình đẳng đê tiện này đã thúc đẩy những tên đao phủ của phái Jacobin khi chúng chặt đầu một Lavoisier và một Chénier.”

Sự thù hận đối với những người ưu tú, một yếu tố nổi trội nhất của những tiến bộ hiện thời của chủ nghĩa xã hội, không phải là một đặc trưng duy nhất của thứ tinh thần mới do các tư tưởng dân chủ tạo ra.

Những hệ quả khác, tuy là gián tiếp, cũng không kém phần sâu sắc. Đó, chẳng hạn, là chủ nghĩa kinh tế nhà nước, việc hạ thấp ảnh hưởng và năng lực của giới tư sản, hoạt động ngày càng tăng của các nhà tài phiệt, cuộc đấu tranh giai cấp, sự mất dần những ràng buộc xã hội xưa và sự sa sút về đạo đức.

Tất cả những hiệu ứng này biểu hiện qua một sự không chịu phục tùng và một tình trạng vô chính phủ rộng khắp. Những đứa con nổi loạn chống lại cha mình, người làm chống lại ông chủ, người lính chống lại các sĩ quan của mình. Sự bất mãn, lòng thù hận và sự đố kỵ ngày nay thống trị khắp mọi nơi.

Một phong trào xã hội còn đang tiếp diễn, không tránh khỏi giống như một chuyển động trong cơ học có gia tốc. Vì thế, chúng ta còn thấy những kết quả mà tâm tính này đem lại sẽ tiếp tục lớn thêm. Chúng thỉnh thoảng lại thể hiện ra dưới dạng những vụ rắc rối với mức độ ngày càng nặng nề hơn: cuộc đình công của những nhân viên đường sắt, của những nhân viên bưu điện, các vụ nổ trên những con tàu bọc sắt, và... Về sự phá hủy của tàu Liberte (Tự do) với cái giá hơn năm mươi triệu franc và làm chết hai trăm người trong một phút, một cựu bộ trưởng hải quân, ngài de Lanessan, đã diễn đạt như sau:

“Cái xấu đang gặm nhấm hạm đội của chúng tôi cũng chính là cái đang giày vò quân đội của chúng ta, các cơ quan công quyền của chúng ta, các dịch vụ công ích của chúng ta, chế độ đại nghị của chúng ta và chế độ quản lý của chúng ta, toàn thể xã hội của chúng ta. Điều xấu này chính là chủ nghĩa vô chính phủ, nghĩa là một sự lộn xộn của những trí tuệ và sự rối loạn của những sự vật đến mức mà không một điều gì diễn ra theo sự mong muốn của lý tính và không một ai hành xử theo đòi hỏi của nghĩa vụ nghề nghiệp hoặc của đạo đức.”

Và với cùng chủ đề về vụ thảm họa của Liberte (Tự do), xảy đến tiếp sau thảm họa của Iena, ngài Felix Roussel đã nói trong một tham luận với tư cách là chủ tịch Hội đồng thành phố Paris như sau:

“Những nguyên nhân của điều xấu không chỉ là riêng có đối với hải quân của chúng ta. Nó là một điều phổ biến hơn và mang một tên gọi cặp ba – sự vô trách nhiệm, tính vô kỷ luật và tình trạng vô chính phủ.”

Những đoạn trích này, trong khi ghi nhận những sự kiện mà ai cũng biết, còn chỉ ra rằng cả những người bảo vệ cứng rắn nhất của chế độ cộng hòa cũng tự mình công nhận những bước tiến trong sự rối loạn xã hội của chúng ta. Mỗi người đều nhìn thấy nó, nhưng đều hiểu rằng mình bất lực, không thể làm được gì để thay đổi nó. Trên thực tế, chúng phát sinh từ những ảnh hưởng tâm thần vốn có sức mạnh vượt trội hơn hẳn sức mạnh từ ý nguyện của chúng ta.

3. Sự bỏ phiếu phổ thông và các đại biểu dân cử.

Trong số những giáo điều của nền dân chủ, có lẽ căn bản nhất là giáo điều có sức quyến rũ đặc biệt – quyền phổ thông đầu phiếu. Nó tạo cho quần chúng khái niệm bình đẳng, bởi lẽ ít ra là trong một khoảnh khắc, kẻ giàu hay người nghèo, nhà bác học hay kẻ dốt nát đều bình đẳng trước hòm phiếu. Ở đấy, ông bộ trưởng sát cánh với người thấp nhất trong đám kẻ hầu của mình, và trong giây phút ngắn ngủi ấy, quyền lực của người này cũng giống như của những người khác.

Tất cả các chính phủ, bao gồm cả của thời kỳ Cách mạng Pháp đều rất sợ chế độ bỏ phiếu phổ thông. Thực vậy, ngay từ đầu nó đã gây ra nhiều ý kiến phản đối. Ý tưởng cho rằng quần chúng có thể lựa chọn một cách hữu ích những người có khả năng cầm quyền, rằng những cá thể với tư cách trung bình, hiểu biết hạn hẹp, đầu óc hạn chế, chỉ cần nhờ vào số lượng lớn của mình cũng có thể sở hữu một khả năng đáng tin cậy để xét đoán những ứng viên mà họ cần lựa chọn, một ý tưởng dường như đủ để gây sốc.

Từ góc nhìn thuần lý, sự bỏ phiếu của số đông sẽ được biện minh đôi chút, khi ta nói cùng với Pascal: “Đại đa số là con đường tốt nhất, bởi vì nó là cái hữu hình và vì nó có sức mạnh để buộc người ta phải phục tùng; tuy vậy, đây lại là ý kiến của những người kém khôn khéo hơn... ”

Vì hiện nay hình thức bỏ phiếu phổ thông không thể bị thay thế bởi bất kỳ một thiết chế nào khác, nên rất cần chấp nhận nó và cố gắng thích nghi với nó.

Do vậy, sẽ là vô ích để chống lại nó hoặc nhắc lại theo hoàng hậu Marie Caroline vào thời kỳ cuộc đấu tranh của bà chống lại Napoleon: “Không có gì kinh khủng hơn là cai trị con người trong thế kỷ ánh sáng này, khi mà kể từ người thợ chữa giày đều có thể cãi lý và nói lời phi lý về Chính phủ!”

Nói thực ra, những lời bác bẻ không phải bao giờ cũng mạnh như người ta tưởng. Các quy luật tâm lý học đám đông xem như đã được chấp nhận, nên vẫn rất đáng ngờ rằng sự bỏ phiếu diện hẹp có thể cho một sự lựa chọn con người tốt hơn hẳn so với những gì nhận được qua bỏ phiếu phổ thông.

Chính những quy luật tâm lý học này cũng cho thấy rằng cái gọi là sự bỏ phiếu phổ thông trong thực tế là một sự hư cấu thuần túy. Đám đông, ngoại trừ những trường hợp khá hiếm hoi, không có chính kiến nào khác hơn là ý kiến của các thủ lĩnh của nó. Sự bỏ phiếu phổ thông, do vậy, trên thực tế lại là sự bỏ phiếu hạn chế hơn cả.

Chính điểm đó là điều nguy hiểm thật sự của nó. Sự bỏ phiếu phổ thông tỏ ra nguy hiểm trước hết bởi những người thủ lĩnh, là những ông chủ của nó, những con người của các tiểu ban địa phương, giống như các câu lạc bộ thời Cách mạng. Người thủ lĩnh đi vận động bỏ phiếu cho một nhiệm chức lại được lựa chọn bởi chính những tiểu ban ấy.

Một khi đã được bổ nhiệm, anh ta thực thi một quyền lực tuyệt đối tại địa phương, với điều kiện đáp ứng những lợi ích các tiểu ban của mình. Đứng trước sự bó buộc ấy, lợi ích chung của đất nước hầu như hoàn toàn biến khỏi tầm mắt của các vị đại biểu dân cử này.

Đương nhiên là các tiểu ban có nhu cầu về những đầy tớ dễ bảo, nên không lựa chọn cho công việc này những kẻ được tạo hóa phú cho một trí năng lớn, và trước hết cũng không cần một đức hạnh quá cao cả. Chúng cần có những con người thiếu cá tính, không có địa vị xã hội, và luôn dễ sai khiến.

Do những điều bó buộc ấy, tinh thần nô lệ của vị đại biểu dân cử đối với những nhóm nhỏ, chủ nhân của ông ta mà nếu không có chúng thì ông ta sẽ không là gì cả, thực sự là trọn vẹn. Ông ta sẽ nói và sẽ bỏ phiếu cho tất cả những gì mà những tiểu ban ấy đòi hỏi. Lý tưởng chính trị của ông ta có thể cô đọng trong công thức ngắn gọn này: tuân thủ để kéo dài nhiệm kỳ.

Ngoại lệ và chỉ khi sở hữu một uy tín lớn do tên tuổi, do vị trí xã hội và do sự giàu có, một số nhân vật ưu tú có thể áp đặt được ý mình đối với phiếu bầu của dân chúng sau khi vượt qua được sự chuyên quyền của của những thiểu số táo tợn kết thành những tiểu ban địa phương nói trên.

Như vậy, các quốc gia dân chủ, như nước ta, chỉ được quản trị bằng con đường bỏ phiếu phổ thông theo vẻ bề ngoài. Do đó, có biết bao bộ luật đã được thông qua, mặc dù chúng không hề được nhân dân quan tâm và nhân dân cũng không hề đòi hỏi. Ví dụ như việc chuộc lại tuyến đường sắt Miền Tây, các luật về giáo đoàn,... Những biểu hiện phi lý ấy chỉ đơn giản là phản ánh những đòi hỏi của các tiểu ban địa phương cuồng tín, được áp đặt lên các đại biểu do chính chúng lựa chọn.

Chúng ta nhận thấy ảnh hưởng của những tiểu ban địa phương này khi thấy những đại biểu ôn hòa bị bắt buộc phải bảo trợ những kẻ vô chính phủ phá ngầm các kho tàu, phải liên minh với những người chống chủ nghĩa quân phiệt, nói ngắn gọn, phải tuân thủ những đòi hỏi tồi tệ nhất để đảm bảo cho việc được tái cử của mình. Những tâm nguyện của những phần tử hèn hạ nhất của nền dân chủ đã được tạo ra như vậy nơi những người đại biểu được bầu, một giá trị đạo đức và những thói quen mà khó có thể không đánh giá là rất thấp hèn. Kẻ đầu cơ chính trị là con người của những chỗ làm việc công, và như Nietzsche nói:

“Nơi mà chỗ làm việc công bắt đầu cũng là nơi bắt đầu có tiếng ồn của những người khéo đóng kịch và tiếng vo ve của những con ruồi mang nọc độc. Người khéo đóng kịch ấy luôn tin vào những gì đã khiến anh ta nhận được những hiệu quả cao nhất của mình, những hiệu quả đóng vai trò động lực thúc đẩy những người khác tin vào chính anh ta. Ngày mai anh ta sẽ có một sự tin cậy mới, rồi ngày kia một niềm tin còn mới hơn nữa… Tất cả những gì là to tát đều xảy ra ở xa chỗ làm việc công và ở xa vinh quang.”

4. Nhu cầu cải cách.

Nhu cầu về các cải cách được áp đặt một cách thô bạo bằng những sắc lệnh, là một trong những quan niệm tai hại nhất của tinh thần Jacobin, một trong những di sản đáng sợ của Cách mạng Pháp. Nó đứng trong hàng những tác nhân chủ yếu của mọi cuộc đảo lộn của chúng ta từ một thế kỷ lại đây.

Một trong những lý do tâm lý học của sự khát khao không nguôi này về những cải cách bắt nguồn từ sự khó khăn trong việc xác định những lý do thực sự của những tai ương mà người ta phàn nàn. Nhu cầu giải thích lại tạo ra những nguyên nhân ảo hết sức giản đơn. Do vậy, phương cách chữa chạy cũng tỏ ra giản đơn.

Từ bốn mươi năm nay, chúng ta đã không ngừng làm những cuộc cải cách, trong đó mỗi cải cách đều là một cuộc cách mạng nhỏ. Bất chấp, hay đúng hơn là do những những cải cách ấy, mà chúng ta là một trong những dân tộc của châu Âu tiến hóa ít nhất.

Người ta nhận định về sự chậm chạp thực sự của quá trình tiến hóa của chúng ta bằng cách so sánh từng yếu tố chủ yếu của đời sống xã hội, thương mại, công nghiệp,... giữa các dân tộc khác nhau. Những bước tiến của các dân tộc khác nhau, trước hết là dân tộc Đức, hiện ra thật vô cùng to lớn, trong khi các tiến bộ ở nước chúng ta vẫn rất chậm chạp.

Việc tổ chức hành chính, công nghiệp và thương mại của chúng ta đã lỗi thời đáng kể và tỏ ra không còn phù hợp với tầm cao của những nhu cầu mới. Công nghiệp của chúng ta không mấy thịnh vượng, thương mại hàng hải thì suy sụp. Ngay cả trong những thuộc địa của mình, chúng ta cũng không thể duy trì được sự cạnh tranh với nước ngoài, bất chấp những khoản trợ cấp khổng lồ từ ngân sách. Ngài Cruppi, nguyên bộ trưởng thương mại, đã nhấn mạnh về sự suy sụp đáng buồn này trong một cuốn sách mới đây. Cùng luồng với sự lầm lẫn chung, ông ta tin là dễ dàng cứu chữa được tình trạng thua kém này bằng những quy chế mới.

Tất cả những kẻ đầu cơ chính trị đều chia sẻ ý tưởng ấy, và vì vậy chúng ta tiến bộ quá ít. Mỗi phe đảng đều tin rằng với những biện pháp cải cách, chúng ta có thể vượt qua được mọi điều xấu. Niềm tin ấy đã đưa họ đến những cuộc đấu tranh khiến nước Pháp trở thành một quốc gia bị chia cắt sâu sắc nhất trên thế giới và dễ trở thành miếng mồi cho tình trạng vô chính phủ nhất.

Về điểm này, vẫn chưa có ai hiểu được rằng những cá thể và các phương pháp của họ, chứ không phải là những quy định luật pháp, quyết định giá trị của một dân tộc. Cải cách có hiệu quả không phải là những cải cách cách mạng, mà là những sự cải thiện nho nhỏ hằng ngày được tích lũy qua thời gian. Những biến đổi xã hội lớn được thực hiện, giống như những biến đổi địa chất, nhờ sự bổ xung thêm hằng ngày của những nguyên nhân vụn vặt. Lịch sử kinh tế của nước Đức từ bốn mươi năm qua chứng minh một cách đầy ấn tượng sự đúng đắn của quy luật này.

Nhiều biến cố lớn tưởng chừng có đôi chút phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên, ví dụ như các trận đánh, chính chúng cũng phụ thuộc vào quy luật tích tụ từ từ của những nguyên nhân vụn vặt. Một trận chiến quyết định đôi khi có thể kết thúc trong vòng chưa đầy một ngày, nhưng trước đó đã đòi hỏi những cố gắng rất tỉ mỉ được tích lũy dần dần để chuẩn bị cho sự thành công ấy. Chúng ta đã thực hiện một thể nghiệm nghiệt ngã năm 1870 và người Nga về phần mình gần đây cũng trải nghiệm điều tương tự. Chỉ cần chừng nửa giờ để đô đốc Togo tiêu diệt hạm đội Nga trong trận đánh ở Tsoushima, một trận chiến quyết định thật sự thân phận của nước Nhật, song chính hàng nghìn tác động nhỏ từ thời xa xôi đã quyết định thắng lợi ấy. Những nguyên nhân không hề kém về số lượng đã dẫn đến sự thua trận của người Nga: một sự quan liêu không kém phần phức tạp như ở nước ta và cũng không kém phần vô trách nhiệm, một kho khí cụ thảm hại mặc dù được trả bằng vàng, một chế độ móc ngoặc ở mọi cấp bậc và sự bàng quan phổ biến trước lợi ích của quốc gia. Chẳng may là những bước tiến vụn vặt, mà trong tổng thể chúng hợp thành tầm cỡ của dân tộc, hiếm khi thấy được rõ ràng, nên không gây được ấn tượng gì đối với công chúng, và không thể phục vụ cho lợi ích về bầu cử của những kẻ đầu cơ chính trị. Do vậy, họ hoàn toàn thờ ơ và mặc cho những sự rối loạn nhỏ nhặt liên tiếp tích tụ lại, trong các quốc gia chịu ảnh hưởng của họ, rồi kết thành những sự suy tàn lớn.

5. Những sự cách biệt xã hội trong các nền dân chủ và những tư tưởng dân chủ tại những quốc gia khác nhau.

Vào thời kỳ con người từng bị phân chia thành những đẳng cấp, và phân hóa trước hết theo dòng dõi, sự cách biệt về xã hội nhìn chung được chấp nhận như là hệ quả của một quy luật tự nhiên tất yếu.

Kể từ khi sự phân chia xã hội xưa cũ bị xóa bỏ, những sự cách biệt về giai cấp đã tỏ ra nhân tạo và vì thế không còn được dung thứ nữa.

Vì nhu cầu về bình đẳng có tính lý thuyết, nên chúng ta đã thấy trong các dân tộc theo con đường dân chủ phát triển rất nhanh chóng những bất bình đẳng nhân tạo giúp cho những người sở hữu chúng tạo cho mình một ưu thế rõ ràng. Không có một thời kỳ nào mà sự khao khát danh vị và huân chương, huy chương lại trở nên phổ biến như ngày nay.

Trong những quốc gia thực sự dân chủ, như Hoa Kỳ, danh vị và huân chương, huy chương không tạo ra được uy thế lớn, và chỉ có sự giàu có mới tạo ra sự khác biệt. Rất hiếm khi chúng ta thấy những cô gái trẻ triệu phú ở đấy kết thân với những tên tuổi ngày xưa của giới quý tộc Châu Âu. Họ, do vậy, chỉ sử dụng theo bản năng phương tiện duy nhất khả dĩ cho phép một giới người còn quá trẻ tiếp thu được quá khứ cần thiết cho việc ổn định nền tảng tinh thần của mình.

Nhưng nhìn chung, giới quý tộc mà chúng ta đang thấy hình thành ở Hoa Kỳ không hề dựa trên danh vị và huân chương, huy chương. Thuần túy dựa trên tài chính, nó không gây ra nhiều lòng ganh tị, bởi vì ai cũng hy vọng thành công để có ngày trở thành một phần của nó.

Khi Tocqueville, trong cuốn sách của mình về nền dân chủ ở nước Mỹ, chỉ ra khát vọng chung hướng tới sự bình đẳng, ông ta đã không biết rằng sự bình đẳng được dự kiến sẽ dẫn đến một kiểu phân loại con người hoàn toàn dựa trên số lượng đô-la họ có. Không có kiểu phân loại nào khác ở nước Mỹ, và chắc chắn một ngày nào đó nó sẽ có mặt ở châu Âu.

Hiện tại, không có điều gì khác cho phép nhìn nhận nước Pháp như một quốc gia dân chủ hơn là trong lời nói, và ở đây xuất hiện sự cần thiết phải tìm kiếm, như chúng tôi đã nói ở trên, những ý tưởng khác nhau được lồng trong thuật ngữ dân chủ, tùy theo từng quốc gia.

Trong số những quốc gia thực sự dân chủ, chúng ta chỉ có thể tạm kể ra nước Mỹ và nước Anh. Nền dân chủ ở đấy biểu hiện ra dưới những dạng khác nhau, nhưng chúng ta có thể quan sát thấy trong đó những nguyên tắc như nhau, nhất là một sự khoan dung hoàn hảo cho mọi quan điểm. Những sự truy hại tôn giáo không hề được biết tới ở đấy. Tính ưu tú thực sự được biểu lộ dễ dàng trong các ngành nghề khác nhau, vì mỗi người ở mọi lứa tuổi đều có thể thực hành chúng, miễn là có những khả năng cần thiết. Không hề có một rào cản nào hạn chế sức bật của cá nhân.

Trong những quốc gia như vậy, con người tin là mình được bình đẳng, bởi vì mọi người đều hiểu rằng họ được tự do vươn tới những đỉnh cao như nhau. Người công nhân biết mình có thể trở thành đốc công, rồi kỹ sư. Bị buộc phải bắt đầu từ những thang bậc cấp thấp, thay vì bắt đầu từ những thang bậc cấp cao như ở nước Pháp, người kỹ sư không tự cho là mình có bản chất khác với những người khác. Trong các nghề khác cũng như vậy. Vì vậy mà sự thù hận giai cấp ít phổ biến ở các nước Anh, Mỹ, trong khi rất căng thẳng ở nước ta.

Ở Pháp, tinh thần dân chủ chỉ hiện hữu trong những bài diễn văn. Một hệ thống những cuộc thi tuyển và kiểm tra cần trải qua trong thời tuổi trẻ chốt chặn nghiêm ngặt đường tới công danh và tạo ra những giai cấp thù địch cách biệt nhau.

Các nền dân chủ La Mã, do vậy, vẫn chỉ là lý thuyết thuần túy. Chủ nghĩa độc quyền Nhà nước ở đây đã thay thế cho chủ nghĩa quân chủ chuyên chế, nhưng cũng tỏ ra không kém phần khắc nghiệt. Giới quý tộc theo sự sự giàu có đã thay thế cho giới quý tộc theo dòng dõi và những đặc quyền của họ cũng không ít hơn.

Như vậy, chế độ quân chủ và chế độ dân chủ khác nhau về hình thức nhiều hơn nhiều so với nội dung. Duy chỉ có tâm tính thay đổi của con người là thứ phân hóa ảnh hưởng của chúng. Mọi cuộc tranh luận về các thể chế khác nhau đều vô ích, vì các thể chế không hàm chứa một hiệu lực tự thân đặc biệt nào. Giá trị của chúng vẫn sẽ luôn luôn phụ thuộc vào giá trị của những con người chịu sự quản lý.

Một dân tộc thực hiện được một bước tiến lớn, khi dân tộc ấy phát hiện ra rằng tổng số những cố gắng cá nhân của từng người, chứ không phải là các hệ thống cai trị, quyết định thứ bậc của một dân tộc trên trường quốc tế.

Chương III. Những dạng thức mới của lòng tin dân chủ

1. Những cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động

Trong khi các nhà lập pháp của chúng ta cải cách và làm luật một cách mò mẫm, thì sự tiến hóa khách quan của thế giới vẫn chậm chạp đi tiếp con đường của mình. Những lợi ích mới xuất hiện, sự cạnh tranh kinh tế giữa các dân tộc cũng lớn dần, các giai cấp lao động sôi sục và người ta thấy nảy sinh từ mọi phía những vấn đề đáng sợ, không thể giải quyết được bằng các bài diễn văn của những kẻ đầu cơ chính trị.

Trong số những vấn đề mới ấy có một vấn đề phức tạp nhất, đó là sự xung đột về việc làm, phát sinh từ cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động. Ngay cả trong những quốc gia truyền thống, như nước Anh, nó cũng trở nên dữ dội. Những người công nhân không còn tôn trọng các thỏa ước tập thể mà trước kia từng là hiến chương của họ, những cuộc đình công nổ ra chỉ vì những cớ nhỏ nhặt, nạn thất nghiệp và tình trạng bần cùng đạt đến những con số đáng lo ngại.

Ở Mỹ, những cuộc đình công này cuối cùng thậm chí đã trói chân tất cả các ngành công nghiệp, song sự thái quá của những điều xấu đã tạo ra phương thuốc chữa trị. Từ khoảng mười năm nay, các ông chủ công nghiệp đã tổ chức ra những liên minh nghiệp chủ lớn, đủ mạnh để có thể áp đặt cho công nhân những thủ tục phân xử.

Vấn đề việc làm ở nước Pháp trở nên phức tạp bởi sự can dự của nhiều lao động nước ngoài, một điều trở nên cần thiết do tình trạng đình trệ của dân số nước ta. Sự đình trệ như vậy cũng sẽ khiến cho cuộc đấu tranh với các đối thủ trở nên khó khăn, bởi vì đất đai của họ có thể sắp đến lúc không nuôi nổi những cư dân của mình và, theo một quy luật xưa cũ nhất của lịch sử, họ tất yếu sẽ tràn vào những đất nước có dân cư thưa thớt hơn.

Những xung đột giữa công nhân và giới chủ trong cùng một nước sẽ còn trở nên ác liệt hơn nữa bởi cuộc chiến kinh tế ngày càng mạnh mẽ hơn giữa những người châu Á với nhu cầu rất thấp, và do vậy có thể sản xuất những sản phẩm công nghiệp với giá thành rất rẻ và những người Châu Âu với nhu cầu rất cao. Tôi đã chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề này từ hơn hai mươi lăm năm trước. Tướng Hamilton, nguyên tùy viên quân sự trong quân đội Nhật, và là người tiên đoán rất đúng chiến thắng của người Nhật trước khi xảy ra chiến sự, đã viết trong một công trình, được tướng Langlois đăng lại, những điều sau đây:

“Người Trung Quốc, như tôi từng thấy ở Mãn Châu Lý, có khả năng phá bỏ mẫu hình hiện nay của người lao động da trắng. Anh ta sẽ đánh bật người lao động da trắng khỏi mặt đất. Những người xã hội chủ nghĩa, trong khi thuyết giáo về sự bình đẳng trước lao động, còn xa mới nghĩ về những kết quả thực tế mà các lý thuyết của họ dẫn đến. Định mệnh của chủng tộc da trắng, liệu có phải về lâu dài nó sẽ biến mất? Theo quan điểm tầm thường của tôi, định mệnh này phụ thuộc vào một điều duy nhất: Liệu chúng ta sẽ có hay sẽ không có lương tri để bịt tai trước những bài diễn văn trình bày về chiến tranh và sự chuẩn bị chiến tranh như là một tai ương vô ích?

Tôi cho là những người công nhân phải lựa chọn. Do sự tổ chức hiện tại của thế giới, họ phải nuôi dưỡng trong con cái mình lý tưởng quân sự và họ phải chấp nhận với tất cả chân tâm những thử thách và gánh nặng kéo theo sau chủ nghĩa quân phiệt, hoặc họ phải bắt đầu cuộc đấu tranh sinh tồn gay go chống lại một nguồn nhân công cạnh tranh mà kết cục đã chắc chắn. Để từ chối quyền di cư của những người châu Á, quyền hạ thấp lương bằng sự cạnh tranh và quyền sống giữa chúng ta, chúng ta chỉ có một phương tiện duy nhất là thanh kiếm. Nếu người Mỹ và người châu Âu quên rằng hoàn cảnh được ưu đãi của họ chỉ được duy trì nhờ ở sức mạnh vũ khí của họ, châu Á sẽ sớm phục thù.”

Chúng ta biết rằng ở Mỹ, sự xâm nhập của người Trung Quốc và người Nhật đã trở thành một tai họa quốc gia do hậu quả của sự cạnh tranh với những công nhân da trắng. Ở châu Âu, sự xâm nhập bắt đầu, nhưng còn chưa đạt tới mức độ rộng lớn. Tuy nhiên, những người nhập cư Trung Quốc cũng đã tạo ra những khu kiều dân đáng kể ở một số thành phố: London, Cardiff, Liverpool,... Họ đã tạo cớ cho nhiều cuộc bạo động ở đấy, vì họ làm việc với giá rẻ mạt, nên sự xuất hiện của họ đã ngay lập tức làm hạ thấp tiền lương.

Tuy nhiên, đây là những vấn đề của tương lai, còn những vấn đề hiện tại cũng đủ khiến ta lo ngại, nên đây chưa phải lúc quan tâm đến những việc khác.

2. Sự tiến hóa của giai cấp công nhân và phong trào nghiệp đoàn.

Quan trọng bậc nhất trong số các vấn đề dân chủ hiện nay có lẽ sẽ bắt nguồn từ sự tiến hóa gần đây của giai cấp công nhân sinh ra bởi phong trào nghiệp đoàn.

Sự tập hợp của những lợi ích tương tự nhau kết thành Chủ nghĩa công đoàn đã nhanh chóng đạt được sự phát triển mạnh mẽ trong tất cả các nước đến mức có thể gọi là toàn cầu. Một số nghiệp đoàn sở hữu ngân sách có thể sánh với ngân sách của những nước nhỏ. Người ta đã kể ra những liên minh ở Đức từng thu vào tới 81 triệu (franc - ND) tiền đóng góp.

Sự lan rộng của phong trào công nhân này trong tất cả các quốc gia cho thấy rằng nó không giống như chủ nghĩa xã hội, mà là hệ quả của những quy luật tất yếu về kinh tế. Bởi mục đích, các phương tiện hành động và những xu hướng của mình, chủ nghĩa công đoàn không có mối quan hệ họ hàng nào với chủ nghĩa xã hội. Vì đã giải thích khá cặn kẽ điều này trong cuốn Tâm lý học chính trị của tôi, ở đây chỉ cần nhắc lại đôi lời về sự khác biệt của hai luận thuyết này.

Chủ nghĩa xã hội muốn chiếm lĩnh toàn bộ các ngành công nghiệp, dùng Nhà nước để quản lý chúng và phân chia đều sản phẩm cho công dân. Về phần mình, Chủ nghĩa công đoàn, trái lại, có tham vọng loại bỏ hoàn toàn sự can thiệp của Nhà nước và phân chia xã hội thành những nhóm nhỏ theo nghề nghiệp và tự quản.

Mặc dù coi thường những người theo Chủ nghĩa công đoàn và bị họ chống lại kịch liệt, những người Xã hội chủ nghĩa cố che đậy sự xung đột này, nhưng nó lại nhanh chóng trở nên quá rõ ràng để có thể che dấu. Ảnh hưởng chính trị mà những người Xã hội chủ nghĩa vẫn đang có cũng sẽ sớm tuột khỏi tay họ.

Nếu như Chủ nghĩa công đoàn lớn mạnh thêm ở khắp nơi, gây bất lợi cho Chủ nghĩa xã hội, thì đó, tôi nhắc lại, là nhờ phong trào nghiệp đoàn này, dù là được làm mới lại từ quá khứ, tổng hợp được một số nhu cầu nảy sinh từ sự chuyên môn hóa của nền công nghiệp hiện đại.

Chúng ta thấy, trên thực tế, nó hiện ra trong những hoàn cảnh đa dạng nhất. Tại Pháp, thành công của nó còn chưa được to lớn như ở những nơi khác. Trong khi khoác lên mình vẻ ngoài cách mạng như đã nhắc tới ở trên, nó đã rơi vào tay của những kẻ vô chính phủ, ít ra là tạm thời, những kẻ không mấy quan tâm đến Chủ nghĩa công đoàn cũng như một tổ chức nào đó, mà chỉ đơn giản là sử dụng luận thuyết mới này để cố phá bỏ xã hội hiện tại. Những người theo Chủ nghĩa xã hội, những người theo Chủ nghĩa công đoàn và những người theo Chủ nghĩa vô chính phủ, mặc dù đi theo những luận thuyết hoàn toàn khác nhau, nhưng lại hợp tác với nhau nhằm cùng một mục đích sau cùng: loại bỏ quyết liệt những giai cấp cầm quyền và cướp phá tài sản của họ.

Các luận thuyết về phong trào nghiệp đoàn không xuất phát bằng bất cứ cách nào từ những nguyên tắc của Cách mạng. Về nhiều điểm, chúng thậm chí đối nghịch hoàn toàn. Chủ nghĩa công đoàn thực ra là một sự quay lại với một số hình thức tổ chức tập thể gần gũi với các nghiệp đoàn từng bị Cách mạng bài trừ. Nó cũng là một trong những liên minh mà Cách mạng đã lên án. Sau nữa, nó gạt bỏ hoàn toàn sự tập trung hóa của Nhà nước mà Cách mạng đã tạo lập trước đó.

Những nguyên tắc dân chủ về tự do, bình đẳng, bác ái không hề được Chủ nghĩa công đoàn bận tâm. Các nghiệp đoàn yêu cầu ở những thành viên của mình một tính kỉ luật tuyệt đối, loại trừ mọi tính tự do.

Do chưa đủ mạnh để có thể áp chế lẫn nhau, các nghiệp đoàn bày tỏ công khai tình cảm tôn trọng lẫn nhau, mà cùng lắm người ta có thể gọi là tình anh em. Nhưng vào một ngày nào đó mà chúng sẽ đủ mạnh, những lợi ích đối nghịch của chúng tất yếu sẽ đụng độ với nhau, như trong thời kỳ nghiệp đoàn của các nền cộng hòa cổ xưa của nước Ý: Florence và Sienne, chẳng hạn. Khái niệm bác ái của thời nay sẽ nhanh chóng bị lãng quên và sự bình đẳng sẽ được thay thế bằng chủ nghĩa chuyên chế của những nghiệp đoàn vượt trội hơn.

Một tương lai như vậy dường như đã đến gần. Quyền lực mới đang lớn mạnh rất nhanh và tìm thấy trước mặt mình những chính phủ đã bị tước hết vũ khí, chỉ còn biết tự vệ bằng cách phục tùng mọi yêu cầu của nó. Một phương tiện rất tồi, chỉ dùng được cùng lắm là trong phút giây hiện tại, nhưng lại chất gánh nặng lên tương lai.

Tuy nhiên, chính nguồn lực nghèo nàn này mới đây đã được chính phủ Anh dùng đến trong cuộc đấu tranh với nghiệp đoàn thợ mỏ, những người đã đe dọa đình chỉ đời sống công nghiệp của nước Anh. Nghiệp đoàn này đã đòi hỏi cho những thành viên của mình một khoản lương tối thiểu, mà họ không buộc phải cam kết cung cấp một lượng tối thiểu lao động.

Mặc dù một yêu sách như thế là không thể chấp nhận được, chính phủ vẫn chấp nhận đưa ra Nghị viện một dự luật để chuẩn y nó. Sẽ là hữu ích để chúng ta suy ngẫm những lời nói nặng nề của ngài Balfour về chủ đề này trước Hạ nghị viện:

“Đất nước chưa từng bao giờ, trong lịch sử lâu dài và sôi động đến thế, phải đối mặt với một mối nguy thuộc loại này và với tầm quan trọng này.

Cảnh tượng mà chúng ta chứng kiến, lạ thường, thê thảm, mới chỉ là của một tổ chức đang đe dọa làm tê liệt, và đang làm tê liệt ở quy mô lớn, nền thương mại và những nhà máy của một cộng đồng mà đời sống chỉ trông vào thương mại và các nhà máy. Quyền lực mà những người thợ mỏ đang sở hữu, trong tình trạng hiện nay của luật pháp là gần như vô hạn. Đã có khi nào chúng ta phải chứng kiến một điều tương tự? Liệu đã có bao giờ một nam tước phong kiến thực thi một bạo chế tương tự? Liệu đã có khi nào một xí nghiệp liên hợp Mỹ sử dụng những quyền mà nó coi như luật pháp với sự xem thường lợi ích chung như vậy? Chính mức độ hoàn thiện mà chúng ta đã tạo cho các bộ luật, cho tổ chức xã hội của chúng ta, cho mối quan hệ tương hỗ giữa các nghề nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp khác nhau, đang đẩy chúng ta, mạnh hơn so với các bậc tiền bối trong những thời đại khó khăn hơn, tới mối hiểm họa lớn hiện đang đe dọa xã hội… Giờ đây chúng ta đang chứng kiến sự biểu lộ đầu tiên của sức mạnh của những yếu tố, mà nếu chúng ta không cảnh giác, sẽ nhấn chìm toàn xã hội… Thái độ của chính phủ trong việc nhượng bộ những mệnh lệnh của thợ mỏ cho thấy đôi nét bề ngoài của thực tế về chiến thắng của những kẻ đang đứng lên chống lại xã hội.”

3. Vì sao một số chính phủ dân chủ hiện đại từ từ chuyển hóa thành những chính phủ của tầng lớp quan chức hành chính.

Tình trạng vô chính phủ và những cuộc đấu tranh xã hội bắt nguồn từ các tư tưởng dân chủ ngày nay đã dẫn một số chính phủ vào bước tiến hóa không ngờ, để cuối cùng chỉ còn dành cho nó một quyền lực trên danh nghĩa. Sự tiến hóa mà các hệ quả của nó sẽ được chúng tôi chỉ ra một cách vắn tắt sau đây, đã diễn ra tự phát dưới ảnh hưởng của những nhu cầu cấp thiết hiện đang là những công cụ chủ yếu điều khiển sức mạnh của các sự kiện.

Các đại biểu được bầu qua bỏ phiếu phổ thông hiện nay đang thành lập những chính phủ của các quốc gia dân chủ. Họ thông qua những đạo luật, cử và bãi chức những bộ trưởng được lựa chọn từ chính đội ngũ của họ và tạm thời được giao quyền hành pháp. Những bộ trưởng này luôn thay đổi, bởi vì một cuộc bỏ phiếu là đủ để thay thế họ. Vì những người kế tục họ thuộc về một đảng khác, nên sẽ điều hành công việc theo những nguyên tắc khác với những người tiền nhiệm.

Thoạt tiên, tưởng như là một quốc gia bị giằng co bởi những ảnh hưởng khác nhau nhiều đến vậy không thể có cả sự ổn điịnh, cũng như sự tiếp nối. Tuy nhiên, bất chấp những điều kiện bất ổn định ấy, một chính phủ dân chủ như chính phủ của nước ta đang được vận hành khá hợp thức. Phải giải thích hiện tượng ấy như thế nào? Lời giải thích sẽ rất đơn giản bởi sự thật là các bộ trưởng có vẻ ngoài là đang cầm quyền, nhưng thực ra lại quản lý rất ít. Rất bị giới hạn và hạn chế phạm vi, quyền lực của họ chỉ được thực thi đôi chút trong các bài diễn văn rất ít người nghe và trong một số biện pháp gây tan rã.

Nhưng đằng sau cái quyền lực bề ngoài ấy của các bộ trưởng vốn không sức mạnh và không thời hạn, đồ chơi của mọi đòi hỏi từ phía những kẻ đầu cơ chính trị, là một thế lực vô danh đang hoạt động với sức mạnh ngày càng làm tăng cường thêm quyền lực cho các cấp chính quyền. Nhờ có truyền thống, một hệ thống thứ bậc và sự liên tục, chúng có một sức mạnh mà các vị bộ trưởng phải sớm thừa nhận là không thể chống chọi được. Chế độ trách nhiệm đã bị phân chia trong bộ máy hành chính đến mức mà một vị bộ trưởng không khi nào có thể nhận ra một nhân vật có tầm quan trọng đối diện với mình. Đối lại với những thôi thúc nhất thời của ông ta là cả một mạng lưới những quy tắc, tập quán và sắc lệnh mà người ta không ngừng đưa ra cho ông ta, và ông ta cũng hiểu chúng quá ít để có thể vi phạm.

Sự giảm sút uy tín như vậy của các chính phủ dân chủ sẽ càng ngày càng tăng thêm. Một trong những quy luật ổn định nhất của lịch sử là quy luật mà tôi đã đề cập: ngay khi một giai cấp hoặc một giới nào đó, quý tộc, tăng lữ, quân đội hoặc nhân dân, trở nên vượt trội, thì nó sẽ nhanh chóng hướng tới việc chế ngự các giai cấp khác. Đó là trường hợp các đội quân Lã Mã, những kẻ cuối cùng đã đưa lên ngôi và lật đổ các hoàng đế, trường hợp giới tăng lữ mà để chống lại họ, các vị vua khi xưa từng gặp bao gian khó, trường hợp Quốc hội vào thời điểm Cách mạng đã sớm thu tóm mọi quyền lực và thay thế cho chế độ quân chủ. Tầng lớp viên chức được sinh ra để cung cấp một bằng chứng mới về sự chính xác của quy luật trên. Sau khi trở nên chiếm ưu thế, nó đã bắt đầu cao giọng, đe dọa và thậm chí thực hiện đình công, ví dụ như cuộc đình công của các nhân viên bưu điện, được tiếp nối sau đó bằng cuộc đình công của các nhân viên đường sắt nhà nước. Như vậy, quyền lực hành chính hợp thành một Nhà nước nhỏ trong Nhà nước lớn, và nếu sự tiến hóa hiện tại của nó vẫn tiếp tục, nó sẽ sớm tạo ra một quyền lực thực sự duy nhất. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, sẽ không có quyền lực nào khác. Tất cả những cuộc cách mạng của chúng ta đều sẽ dẫn đến kết quả sau cùng là tước đoạt quyền lực và lật đổ ngai vàng của nhà vua rồi ban phát chúng cho giai tầng vô trách nhiệm, ẩn danh và chuyên chế của những nhân viên văn phòng nhà nước.

\* \* \*

Không thể biết trước kết cục của mọi sự xung đột đang đe dọa làm u ám số phận của chúng ta. Cần phải tránh xa cả chủ nghĩa bi quan cũng như chủ nghĩa lạc quan và tự nhủ rằng quy luật tất yếu bao giờ cùng sẽ cân bằng mọi sự vật. Thế giới vẫn đi tiếp con đường của mình mà không quan tâm đến những suy lý của chúng ta, và sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đạt tới trạng thái thích nghi với những biến đổi của môi trường quanh mình. Cái khó là làm sao đến được đó mà không phải trải qua quá nhiều sự cọ sát, và trước hết phải kháng lại những luận thuyết viển vông của những người mơ mộng. Luôn bất lực trong việc tổ chức lại thế giới, chính họ đã làm đảo lộn thế giới nhiều lần.

Athenes, Rome, Florence, và nhiều thành phố khác từng có thời tỏa sáng trong lịch sử, đều là nạn nhân của những nhà lý luận đáng sợ này. Kết quả sinh ra từ những ảnh hưởng của họ bao giờ cũng giống nhau: tình trạng vô chính phủ, chuyên quyền và sự suy tàn.

Những bài học ấy không chỉ có thể hữu ích cho vô số những Catilina thời hiện đại. Họ chưa nhìn thấy được rằng những phong trào được kích động bởi tham vọng của mình đang đe dọa nhấn chìm chính họ. Mọi sự không tưởng ấy đã làm nảy sinh những niềm hy vọng không thể thực hiện được trong tâm hồn của những đám đông, kích động dục vọng của chúng và đào xói những công cụ ngăn giữ từng được dựng nên từ từ qua nhiều thế kỷ để kìm nén chúng.

Cuộc đấu tranh của những đám đông mù quáng chống lại tầng lớp những người ưu tú, tinh hoa của xã hội, là một trong những tính liên tục của lịch sử, và sự chiến thắng của những quyền tối thượng của nhân dân không có đối trọng, đã ghi dấu mốc kết thúc của nhiều nền văn minh. Tinh hoa sáng tạo, bình dân phá bỏ. Khi tầng lớp thứ nhất suy yếu, tầng lớp thứ hai bắt đầu hành động nguy hại của mình.

Những nền văn minh lớn đã chỉ có thể phát triển thịnh vượng khi biết cách chế ngự những phần tử lớp dưới của mình. Không phải chỉ ở Hi Lạp, tình trạng vô chính phủ, nền độc tài, những cuộc xâm lược và sau cùng là việc mất nền độc lập đã trở thành những hậu quả của chủ nghĩa chuyên chế dân chủ. Sự chuyên chế cá nhân bao giờ cũng sinh ra từ sự chuyên chế tập thể. Nó đã kết thúc chu kỳ thứ nhất của uy thế La Mã. Những kẻ thô lỗ đã khép lại chu kỳ cuối cùng.